



BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

RESEARCH BULLETIN

SỐ 04 - THÁNG 04/2019 - VOLUME: – APRIL 2020

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:
khoahocnganhang.org.vn

Liên hệ

Email:
research.bsi@sbv.gov.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,
quận Đống Đa,
Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ

Tác động của lãi suất âm đối với biên lãi ròng và cho vay của các ngân hàng khu vực đồng euro	Mở khóa tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp nhỏ: Phân tích xuyên quốc gia	Thống kê nợ quốc tế 2020	Các yếu tố quyết định việc mở rộng cho vay ngang hàng: Vai trò của phát triển tài chính và giáo dục tài chính
Bài viết này tìm hiểu tác động của lãi suất thị trường dương hoặc âm nhưng ở mức thấp đối với biên lãi ròng của các ngân hàng khu vực đồng euro (NIM) và các thành phần của nó, lãi suất cho vay bán lẻ và lãi suất tiền gửi bán lẻ. Chi tiết	Bài viết cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các động lực tiếp cận tài chính của các SMEs cho một số lượng lớn các quốc gia và xác định các ưu tiên chính sách chính cho hai khu vực khu vực MENAP và CCA. Chi tiết	Thống kê nợ quốc tế là một ấn phẩm hàng năm của Ngân hàng Thế giới thống kê số liệu về nợ nước ngoài và phân tích nợ nước ngoài của 122 quốc gia thu nhập thấp và trung bình đã báo cáo cho Hệ thống báo cáo nợ ngân hàng thế giới (DRS). Chi tiết	Nghiên cứu này điều tra làm thế nào mà cho vay ngang hàng (P2P), còn được biết đến là cho vay theo cộng đồng hoặc tài trợ cộng đồng – có thể được mở rộng để đáp ứng các khoảng trống tài trợ vốn trong các nền kinh tế và thúc đẩy tài chính toàn diện. Chi tiết
Báo cáo Phát triển Thế giới 2020: Thương mại phục vụ cho mục tiêu phát triển trong kỷ nguyên của chuỗi giá trị toàn cầu	Nền kinh tế số cho hội nhập kinh tế ASEAN		
Các chuỗi giá trị toàn cầu đã thúc đẩy tăng trưởng thương mại quốc tế sau năm 1990 và hiện chiếm gần một nửa tổng số các giao dịch. Sự thay đổi này cho phép một sự hội tụ kinh tế chưa từng có trong lịch sử: các nước nghèo phát triển nhanh chóng và bắt đầu theo kịp các nước giàu hơn. Chi tiết	Nền kinh tế số đã đóng vai trò quan trọng trong tăng cường hội nhập khu vực ASEAN. Chi tiết		

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

TIỀN ĐIỆN TỬ, NGÂN HÀNG TỰ DO VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

Nghiên cứu này thảo luận về tiền điện tử, mối quan hệ của nó với chế độ ngân hàng tự do (free banking) và một số tác động đối với chế độ ngân hàng trung ương (central banking). Nghiên cứu bắt đầu bằng việc giới thiệu các khuôn khổ khái niệm về hoạt động ngân hàng trung ương hiện đại, nhắc lại các tranh luận về chế độ ngân hàng tự do; sau đó xem xét lại sự phát triển của tiền điện tử về cả mặt phương thức thanh toán điện tử và phát hành điện tử, trong đó đặc biệt tập trung vào phát hành điện tử. Các thảo luận sẽ bao gồm cả các diễn biến chính thức, như Mondex, và các cơ chế “khác” như LETS. Từ đó, nghiên cứu tiếp tục xem xét sự kết hợp giữa phát hành điện tử đồng tiền và các quy tắc (precepts) cơ chế ngân hàng tự do, để cân nhắc một số tác động cho tương lai của chế độ ngân hàng trung ương nói chung. Nghiên cứu đưa ra một mô hình “kiểm tra” về ngân hàng trung ương, nhằm chỉ ra các tác động mà tiền điện tử có thể tạo ra (hoặc có thể đã có) đối với chính sách tiền tệ, giám sát tài chính và thu nhập từ in tiền (thuế đúc tiền). Nghiên cứu kết luận rằng thậm chí trong giai đoạn phát triển hiện nay, sự xuất hiện của tiền điện tử không chỉ phản ánh và ủng hộ một số khái niệm chủ chốt của chế độ ngân hàng tự do mà còn thúc đẩy chế độ ngân hàng trung ương hiện đại hoạt động theo các thông lệ chế độ ngân hàng tự do. [Chi tiết](#)

NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC

MÃ SỐ	TÊN ĐỀ TÀI	CHỦ NHIỆM
-------	------------	-----------

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP CẤP BÁCH PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19: NGÀNH NGÂN HÀNG BẢO ĐẢM NHU CẦU GIAO DỊCH TIỀN MẶT VÀ THANH TOÁN CỦA NỀN KINH TẾ. (Chi tiết)	TRƯỜNG PHÁI KINH TẾ HỌC ÁO - LƯỢC KHẢO. (Chi tiết)
TĂNG CƯỜNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI DÂN KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO ẢNH HƯỞNG DỊCH COVID-19. (Chi tiết)	TỰ DO KINH TẾ - ĐÒN BẨY PHÁT TRIỂN VIỆT NAM. (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**1. Tác động của lãi suất âm đối với biên lãi ròng và cho vay của các ngân hàng khu vực đồng euro (Implications of negative interest rates for the net interest margin and lending of euro area banks).**

Nguồn: BIS

Tác giả: Melanie Klein

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 18/3/2020

Bài viết này tìm hiểu tác động của lãi suất thị trường dương hoặc âm nhưng ở mức thấp đối với biên lãi ròng của các ngân hàng khu vực đồng euro (NIM) và các thành phần của nó, lãi suất cho vay bán lẻ và lãi suất tiền gửi bán lẻ. Sử dụng hai bộ dữ liệu cấp ngân hàng, tác giả tìm thấy tác động cùng chiều của mức lãi suất ngắn hạn đối với NIM, tác động này tăng đáng kể ở mức lãi suất thị trường âm. Vì lợi nhuận thấp có thể cản trở khả năng mở rộng cho vay của các ngân hàng, tác giả cũng điều tra tác động của NIM đối với việc cho vay mới đối với khu vực tư nhân phi tài chính. Nhìn chung, NIM có quan hệ cùng chiều với việc cho vay: Khi cho vay ít sinh lãi, các ngân hàng sẽ cắt giảm cho vay. Tuy nhiên, ở mức âm, hiệu ứng này biến mất. Phát hiện này cho thấy các ngân hàng đã điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của họ khi phục vụ các khoản vay mới, từ đó góp phần cho vay mới cao hơn trong khu vực đồng euro kể từ năm 2014.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Mở khóa tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp nhỏ: Phân tích xuyên quốc gia (Unlocking Access to Finance for SMEs: A Cross-Country Analysis).

Nguồn: IMF

Tác giả: Armand Fouejieu; Anta Ndoye & Tetyana Sydorenko

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 13/3/2020

Các quốc gia trong khu vực MENAP và CCA có mức độ tài chính toàn diện thấp nhất đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) trên thế giới. Bài viết cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các động lực tiếp cận tài chính của các SMEs cho một số lượng lớn các quốc gia và xác định các ưu tiên chính sách chính cho hai khu vực này: ổn định kinh tế và thể chế, cạnh tranh, quy mô khu vực công và hiệu quả của chính phủ, cơ sở hạ tầng thông tin tín dụng (ví dụ: cơ quan đăng ký tín dụng), môi trường kinh doanh (ví dụ, khung pháp lý để thực thi hợp đồng) và năng lực giám sát và quản lý tài chính. Phân tích cũng cho thấy việc cải thiện thông tin tín dụng, cạnh tranh kinh tế, môi trường kinh doanh cùng với sự phát triển kinh tế và quản trị tốt hơn sẽ giúp thu hẹp khoảng cách tài chính toàn diện của doanh nghiệp vừa và nhỏ giữa các khu vực MENAP và CCA với các nơi có kết quả tốt nhất. Bài viết kết luận về sự cần thiết phải áp dụng các chiến lược chính sách tổng thể có tính đến toàn bộ các yêu cầu và cải cách vĩ mô và thể chế, và ưu tiên các cải cách này theo các đặc điểm cụ thể của từng quốc gia.

[Tải về toàn văn tại đây](#)[Trở lại trang đầu](#)

3. Thống kê nợ quốc tế 2020 (International Debt Statistics 2020).

Nguồn: WB

Tác giả: N/A

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 1/3/2020

Thống kê nợ quốc tế là một ấn phẩm hàng năm của Ngân hàng Thế giới thống kê số liệu về nợ nước ngoài và phân tích nợ nước ngoài của 122 quốc gia thu nhập thấp và trung bình đã báo cáo cho Hệ thống báo cáo nợ ngân hàng thế giới (DRS). Phạm vi nội dung của ấn phẩm bao gồm: 1) hướng dẫn sử dụng mô tả các bảng biểu và nội dung, định nghĩa và lý do cho việc nhóm các quốc gia và các mức thu nhập, ghi chú dữ liệu, và mô tả về các nguồn dữ liệu bổ sung và bộ dữ liệu toàn diện sẵn có cho người sử dụng trực tuyến, 2) Tổng quan ngắn gọn phân tích xu hướng toàn cầu của các khoản nợ và các dòng nợ đến các quốc gia thu nhập thấp và trung bình trong khuôn khổ các dòng vốn tổng hợp (nợ và vốn chủ sở hữu), 3) một câu chuyện tiêu biểu về việc cho vay của Ngân hàng Thế giới để kỷ niệm 75 năm ngày thành lập của tổ chức này, 4) các bảng và biểu đồ chi tiết về các chủ nợ và người vay nợ, các điều khoản về số lượng nợ, các cam kết mới, cấu trúc đáo hạn của các khoản thanh toán nợ trong tương lai và gánh nặng nợ, được đo lường liên quan đến GNI và thu nhập xuất khẩu của mỗi quốc gia, và 5) tóm tắt một trang về mỗi quốc gia, cộng với tổng hợp số liệu theo nhóm thu nhập, theo khu vực, theo toàn cầu về các dòng nợ, các khoản nợ và các chỉ số nợ, dữ liệu liên quan trong 5 năm (2014-2018).

[Tải về toàn văn tại đây](#)[Trở lại trang đầu](#)

4. Các yếu tố quyết định việc mở rộng cho vay ngang hàng: Vai trò của phát triển tài chính và giáo dục tài chính (Determinants of Peer-to-Peer Lending Expansion: The Roles of Financial Development and Financial Literacy).

Nguồn: ADB

Tác giả: Oh, Eun Young & Rosenkranz, Peter

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 19/3/2020

Sử dụng mẫu với 62 nền kinh tế trong giai đoạn 2015-2017, nghiên cứu kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến cho vay ngang hàng. Nghiên cứu chỉ ra rằng hiệu suất của các tổ chức tài chính, giáo dục tài chính và mức thâm nhập thấp của chi nhánh ngân hàng và máy ATM là những yếu tố có quan hệ cùng chiều với sự mở rộng của cho vay ngang hàng. Cơ sở hạ tầng vật lý như hạ tầng thông tin công nghệ tốt hơn là các yếu tố quan trọng cho sự phát triển của cho vay ngang hàng.

[Tải về toàn văn tại đây](#)[Trở lại trang đầu](#)

5. Báo cáo Phát triển Thế giới 2020: Thương mại phục vụ cho mục tiêu phát triển trong kỷ nguyên của chuỗi giá trị toàn cầu (World Development Report 2020: Trading for Development in the Age of Global Value Chains).

Nguồn: WB

Tác giả: N/A

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 1/3/2020

Các chuỗi giá trị toàn cầu đã thúc đẩy tăng trưởng thương mại quốc tế sau năm 1990 và hiện chiếm gần một nửa tổng số các giao dịch. Sự thay đổi này cho phép một sự hội tụ kinh tế chưa từng có trong lịch sử: các nước nghèo phát triển nhanh chóng và bắt đầu theo kịp các nước giàu hơn. Tuy vậy, từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, sự tăng trưởng của thương mại đã chậm lại và việc mở rộng chuỗi giá trị toàn cầu đã bị đình trệ. Trong khi đó, các mối đe dọa nghiêm trọng đối với các mô hình tăng trưởng dựa trên thương mại đã xuất hiện. Các công nghệ mới có thể khiến sản xuất đến gần hơn với người tiêu dùng và làm giảm nhu cầu đối với lao động. Các xung đột giữa các quốc gia lớn có thể dẫn đến một sự trì hoãn hoặc tạo phân khúc cho các chuỗi giá trị toàn cầu. Cuốn sách này xem xét xem liệu có còn một con đường để phát triển thông qua các chuỗi giá trị toàn cầu và thương mại toàn cầu hay không. Cuốn sách kết luận rằng sự thay đổi công nghệ trong giai đoạn này là một lợi ích hơn là một rào cản. Các chuỗi giá trị toàn cầu có thể tiếp tục được thúc đẩy phát triển, tạo ra nhiều việc làm tốt hơn và làm giảm đói nghèo với điều kiện các nước đang phát triển thực hiện cải cách sâu hơn để thúc đẩy việc tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu, các quốc gia công nghiệp theo đuổi các chính sách mở, có thể dự báo được và tất cả các quốc gia đều chấp nhận quan hệ hợp tác đa phương.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

6. Nền kinh tế số cho hội nhập kinh tế ASEAN (Digital Economy for ASEAN Economic Integration).

Nguồn: ADB

Tác giả: Taghizadeh-Hesary, Farhad; Subramanian, Muthurangam; Panchanatham, Natarajan; Naderi, Niki & Myrold, Alan

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 9/3/2020

Tác giả trình bày và xem xét vai trò của nền kinh tế số trong hội nhập kinh tế của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) bằng cách đánh giá sâu tài liệu nghiên cứu. Nền kinh tế số đóng vai trò quan trọng trong tăng cường hội nhập khu vực ASEAN. Chính sách kinh tế số có thể hỗ trợ các ngành công nghệ cao, sự phát triển của thương mại điện tử, tối ưu hóa doanh nghiệp nhỏ và vừa và khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài. Để đạt được nền kinh tế số, các chính phủ cần xem xét các vấn đề pháp lý, chính sách liên quan đến công nghệ, nền tảng và các nhà cung ứng. Nếu các nước ASEAN có

thể hưởng lợi từ nền kinh tế số thì sự an toàn, bảo mật, sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền lợi khách hàng là một trong các vấn đề mà các chính phủ cần phải giải quyết.

Hơn nữa, hợp tác liên ngành đặc biệt quan trọng đối với các nước ASEAN nhằm tạo ra các quy định và luật pháp số tối ưu nhằm giải quyết nhiều vấn đề giữa các ngành. Để tận dụng toàn bộ tiềm năng số hóa toàn khu vực cần thiết phải có một khuôn khổ chính sách hỗ trợ. Đặc biệt, khả năng truyền tải thông tin nhanh chóng và liền mạch giữa các nước nhằm mang lại lợi ích cho thương mại, tăng cường đổi mới và hỗ trợ đổi mới tài chính là đặc biệt quan trọng. Báo cáo khuyến nghị rằng cần phải khuyến khích các chính phủ ASEAN thiết lập các chính sách về quản lý dữ liệu và cho phép các nền kinh tế thành viên hưởng lợi từ việc tăng cường hiệu quả, mở rộng phạm vi và giảm chi phí.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU**Tiền điện tử, ngân hàng tự do và một số vấn đề đặt ra cho hoạt động ngân hàng trung ương***Tài liệu nghiên cứu của NHTW Thổ Nhĩ Kỳ**(Kỳ 2)***5. Tiền điện tử và Ngân hàng tự do**

Mối quan hệ trực tiếp và gián tiếp giữa tiền điện tử và ngân hàng tự do đã được đề cập khá thường xuyên gần đây. Ví dụ, Browne và Cronin (1996) chỉ ra rằng hoạt động ngân hàng tự do (laissez – faire banking) có thể tự phát theo thời gian với sự cải tiến về công nghệ trong thông tin và trong sản phẩm tài chính. Do đó, việc điều tiết ngành ngân hàng sau khi có tiền điện tử có thể chứng minh là không hợp lý do sự ổn định và tính hiệu quả vốn có chắc chắn của hệ thống. White (1995) lập luận rằng công nghệ tạo cơ hội để phát hành tiền giấy ngân hàng tư nhân như số dư trên thẻ thông minh, có thể trao đổi mà không cần đến sự tham gia của ngân hàng. Ông bổ sung rằng công nghệ thanh toán đã bắt đầu báo trước một thế giới ở đó tiền ngân hàng trung ương là lỗi thời – có thể được thay thế bằng tiền tệ được phát hành tư nhân dưới hình thức các số dư được viết trên thẻ thông minh hoặc được tải về máy tính cá nhân và được chuyển đi bằng các ví điện tử hoặc thông qua mạng internet. Ông cũng tìm hiểu khả năng tiền điện tử làm tiền mệnh giá nhỏ chịu lãi suất lần đầu tiên trong lịch sử, và kết luận rằng, khi kết hợp với tính ẩn danh tiền điện tử sẽ tạo điều kiện cho việc công chúng quay lưng với tiền xu và giấy dựa trên chính phủ. Selgin (1996) nghi ngờ về niềm tin chung cho rằng cải tiến tài chính sẽ làm cho việc kiểm soát tiền tệ trở nên phức tạp hơn. Ông đề xuất rằng tài chính càng cải tiến thành công thì công chúng càng ít phụ thuộc vào ngân hàng trung ương với tư cách là nguồn cung phương tiện trao đổi trực tiếp. Do vậy, ông lập luận, công chúng có thể nỗ lực để không cho ngân hàng trung ương có các quyền tự quyết.

Ảnh hưởng của việc điện tử hóa không giới hạn ở việc sử dụng bán lẻ tiền mà còn mở rộng ra đối với vai trò của ngân hàng trung ương với tư cách là đơn vị cung ứng dự trữ cho các ngân hàng. Theo Friedman (1999), 3 nhân tố đặt ra câu hỏi về tương lai của NHTW với vai trò là đơn vị độc quyền cung ứng dự trữ ngân hàng:

sự xói mòn nhu cầu tiền ngân hàng, sự mở rộng tín dụng phi ngân hàng, và sự phát triển của cơ chế bù trừ ngân hàng tư nhân. Ông cảnh báo kết luận sẽ là khả năng của NHTW trong việc thực thi chính sách tiền tệ có thể xói mòn do chúng không thể tác động lên mức giá cả hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế phi tài chính trừ khi chúng kiểm soát trực tiếp việc thiết lập lãi suất.

Goodhart (2000) không đồng ý với Friedman, lập luận rằng chỉ có sự bất lực (trong chính sách tiền tệ) chứ không phải cải tiến IT hay tiền điện tử có thể dẫn tới sự sụp đổ của ngân hàng trung ương và đem lại lợi thế so sánh cho ngân hàng tự do. Ông không coi khả năng ẩn danh và ví điện tử (e-purse) dùng một lần là quan trọng. Goodhart lập luận rằng tiền điện tử không thể thay thế tiền cơ sở ngân hàng trung ương bởi vì theo quan điểm của ông chỉ tiền cơ sở ngân hàng trung ương mới có tính ẩn danh toàn vẹn, an toàn đầy đủ và địa vị đồng tiền pháp định. Tuy nhiên, thậm chí nếu nhu cầu tiền giảm đến 0, ngân hàng trung ương vẫn được kỳ vọng là có thể thiết lập các mức lãi suất thông qua niêm yết trực tiếp cho các thị trường tài chính.

Rõ ràng, NHTW có thể cung cấp bảo hiểm toàn bộ cho đồng tiền mà chúng ủng hộ miễn là chúng có quyền tạo ra các tổn thất không giới hạn với sự hỗ trợ toàn vẹn của chính phủ. Nhưng, rủi ro thay thế tiền tệ có thể buộc ngân hàng trung ương phải để lãi suất được quyết định bởi lực lượng thị trường. Miễn là sự ủng hộ đằng sau NHTW là an toàn và lành mạnh, giá cả thị trường có thể chịu ảnh hưởng bởi sự can thiệp của NHTW, nhưng một khi thị trường nghi ngờ về mức độ bảo vệ của đồng tiền, rủi ro khủng hoảng tài chính có thể xảy đến như đã từng xảy ra ở Thổ Nhĩ Kỳ năm 1994. Trong thực tế, có thể là can thiệp của NHTW được cho là không cần thiết do sự hiện thực hóa các hiệu quả mà IT đem lại nói chung và tiền điện tử mang lại nói riêng.

Friedman (2000) đi đến một kết luận tương tự khi tạo ra tình huống cho việc tiếp tục duy trì cơ chế NHTW. Ông đưa ra 2 công cụ cần thiết cho sự tồn tại của NHTW: khả năng từ chối quyết toán đối với hệ thống thanh toán ngoài hệ thống thanh toán của nó, và – khi cần thiết – tạo hoặc nhận tiền gửi trên thị trường tài chính để buộc lãi suất thị trường nằm trong kiểm soát của nó. Nhưng, một lần nữa, vấn đề không phải là ngân hàng tự do sẽ đòi hỏi những điều này, mà là chúng

tạo ra một cách thức cho các ngân hàng trung ương tiếp tục vai trò quản lý chính sách tiền tệ của mình. Woodford (2000) bảo vệ tuyến lập luận tương tự. Rõ ràng, quyền áp thuế cũng đem lại năng lực bảo vệ ngân hàng trung ương, nhưng mối quan ngại của chúng ta là liệu cơ chế ngân hàng trung ương có phải là cách thức hiệu quả nhất để duy trì sự toàn vẹn của đồng tiền và liệu tiền điện tử có thể làm tăng các lựa chọn cho quyền lựa chọn tiền.

Tất cả những thảo luận này ủng hộ sự liên quan giữa tiền điện tử và ngân hàng tự do. Trong điều kiện ngân hàng tự do, yêu cầu cơ bản cho một đề xuất tiền điện tử là sự hứa hẹn về khả năng chuyển đổi với bất cứ tiền tệ nào mà người nắm giữ cần. Với điều kiện là môi trường trường quản lý được thiết lập để cho phép các loại tiền tư nhân cạnh tranh, điều kiện này hiện nay được đáp ứng dễ dàng hơn 50 năm trước. Trong khi có thể không phù hợp để kỳ vọng một sự chuyển đổi cách mạng của hệ thống tài chính hiện nay, việc nói lỏng quản lý hơn nữa các tổ chức tài chính nội địa và quốc tế có thể bản thân nó dẫn tới một cuộc chuyển đổi cách mạng hướng tới ngân hàng tự do.

Nếu chúng ta hiện nay chuyển mối quan tâm sang mối quan hệ giữa tiền điện tử và ngân hàng tự do, dường như với chúng ta tiền điện tử có các tác động rất đáng kể và tổng hợp. Tiền điện tử không chỉ thúc đẩy hiểu biết rõ ràng hơn về bản chất và chức năng của tiền, và theo đó là việc quản lý “đầy đủ” tiền với ảnh hưởng của việc quản lý này lên tài chính và ngân hàng đã được phân tích ở phần trên, mà việc phát hành điện tử có thể còn là phương tiện kỹ thuật đưa chế độ ngân hàng tự do vào cuộc. Với điều kiện là việc phát hành điện tử tiền không chịu các quy định quá mức hoặc ngoài vòng pháp luật, nó có thể làm giàu thêm các lựa chọn tiền tệ thông qua quá trình thay thế mà tiền điện tử hỗ trợ dựa trên việc cung ứng dịch vụ tài chính. Ảnh hưởng chính của việc điện tử hóa với viễn cảnh trên là:

1. Do bit và byte dễ tái xác định hơn tiền giấy và tiền xu, việc sửa lại hay thay đổi hiện diện tiền có thể dễ dàng hơn, việc này dẫn đến, trong trường hợp là các quốc gia, việc gia nhập và rời khỏi các liên minh tiền tệ dễ dàng hơn và tạo thuận lợi cho người sử dụng cuối cùng chuyển đổi giữa các tiền tệ, và do đó là tạo thuận lợi cho việc phát hành tiền tư nhân. Quan điểm này có thể được ủng hộ bởi việc chuyển đổi tiền tệ đã được lập kế hoạch lâu dài trong khu vực đồng euro với các loại tiền giấy và tiền xu truyền thống.

Trong tương lai với tiền điện tử, bất cứ vấn đề tài chính nghiêm trọng nào đe dọa đồng Euro có thể cho phép các thành viên thể hiện phản ứng của mình với khả năng thiết kế một khuôn khổ tiền tệ mới. Ngược lại, tiền điện tử cũng dễ dàng tham gia trong một thời gian ngắn đối với các thành viên tiềm năng đã bị thu hút bởi đồng euro được quản lý tốt. Cơ chế này, cuối cùng, đặt áp lực kinh tế thuần túy cho EC để tôn trọng tính toàn vẹn của đồng euro do đó mà loại trừ bất cứ áp lực chính trị nào. Là một tiền tệ phi quốc gia, nó cho phép các nền kinh tế phi euro cũng nghĩ đến việc để lại việc bảo vệ sự toàn vẹn của đồng tiền cho ECB.

2. Nhờ khả năng minh bạch được đem lại bởi các ứng dụng Internet, tiền có thể được tài trợ dễ dàng bởi hàng hóa như bởi các chỉ số, hoặc cả hai. Điều này không có nghĩa là quay trở lại với các loại tiền tệ được tài trợ bởi hàng hóa nhưng các tổ chức tiền tệ sẽ không chấp nhận các rủi ro làm lạm phát tiền tệ do mình phát hành vì khả năng minh bạch sẵn có nhờ sự ra đời của công nghệ tiền điện tử. Sự toàn vẹn của tiền có thể được bảo vệ bằng các biện pháp bảo hộ tiền (cover of money) được giải thích ở trong các phần tiếp theo, nhưng nếu xã hội thích việc có hàng hóa bảo hộ (currency backing) hơn, tiền điện tử chỉ có thể hỗ trợ hiện thực hóa nhu cầu này.
3. Sự gia tăng sử dụng các kênh phân phối như internet, TV kỹ thuật số và điện thoại di động, có thể cho phép “tiền tốt” đến với người sử dụng cuối cùng dễ dàng hơn. Ngược lại, người sử dụng cuối cùng có nhu cầu về phương tiện trao đổi tin cậy có thể dễ dàng tiếp cận các phương thức thay thế khác tốt hơn. Vì cùng các lý do, tiền bị quản lý sai, được Rudi Dornbusch gọi là “tiền hài hước”¹, có thể được hạn chế. Tiền điện tử trong các cơ chế này mở rộng phạm vi thay thế tiền tệ tới các giao dịch vi mô bên cạnh các giao dịch trung bình và lớn. Việc thay thế tiền mặt bao gồm không chỉ đối với chức năng lưu trữ giá trị mà còn cả đối với chức năng phương tiện trao đổi của tiền. Điều này gia tăng áp lực cho các đồng tiền thường ở trong tình trạng lạm phát trên thế giới.
4. Việc dễ dàng truy cập tiền điện tử có thể đẩy nhanh tốc độ hình thành khối lượng tới hạn, thời điểm khi mà mọi người nói chung đã sẵn sàng chấp nhận đơn vị tính toán mới được đề xuất do họ được thuyết phục rằng nó đã

¹ “Khi nào tiền hài hước không phải là một trò đùa”, Financial Times, 3.1.2000. Các nhà cải cách tiền tệ cũng sử dụng thuật ngữ này, nhưng họ ám chỉ đó là thời gian và tương tự. Ví dụ, xem D Boyle, tìm kiếm tiền tệ thay thế.

được thừa nhận rộng rãi, có tính thanh khoản toàn cầu ở mức phù hợp và được hỗ trợ toàn hệ thống. Tiềm năng này của tiền điện tử cho phép các tổ chức thách thức các đồng tiền bị quản lý sai lệch bằng các đề xuất mạnh hơn. Ví dụ, thay vì các tổ chức phi chính phủ như ECB, một công ty đào vàng tại Úc, có thể tham gia vào kinh doanh tiền để cung cấp một phương tiện thay thế cho các đồng tiền bị lạm phát với sự trợ giúp từ các kênh phân phối tốc độ cao

Để hoàn chỉnh bức tranh, nhiều thuộc tính của ngân hàng điện tử rõ ràng phản ánh những đặc trưng chính trong khái niệm của Hayek (1990) về tiền phi quốc gia – chẳng hạn như việc rở hóa tiền tệ, đồng thuận tự động về đơn vị tiền tệ, và chỉ số.

Việc bảo vệ chế độ ngân hàng trung ương bản thân nó không lý giải liên minh tiền tệ, xu hướng đô la hóa có xu hướng lan rộng ở châu Mỹ La tinh, hay sự thay thế tiền tệ tại các quốc gia đang phát triển có đồng tiền không ổn định. Do đó việc thảo luận mối quan hệ giữa tiền điện tử và ngân hàng tự do không đề cập trực tiếp các đe dọa đối với ngân hàng trung ương, mà xem xét các cơ hội tạo ra một cơ chế tiền mới tốt hơn. Đây là điểm quan trọng. Có thể việc sử dụng các quyết định can thiệp lãi suất thông qua quy trình bù trừ bắt buộc và các công cụ tiền gửi vẫn cần thiết, nhưng việc can thiệp ngoại hối thất bại nhiều lần từ 1980 và tại nhiều nơi trên thế giới là một vấn đề đáng để lưu tâm.

Cho đến nay do ngân hàng tự do cho rằng tiền lành mạnh không chỉ đem lại ổn định giá cả mà còn ổn định tài chính, nó có thể hiện nay chỉ là vấn đề thời gian trước khi ngân hàng tự do thách thức ngân hàng trung ương trong thực tế với sự xuất hiện của tiền điện tử. Diễn biến này sẽ bị ảnh hưởng bởi cách thức mà chế độ ngân hàng tự do xử lý 3 câu hỏi chính mà tiền điện tử phục vụ để nhấn mạnh:

- Vai trò người cho vay cuối cùng
- Tài trợ tiền tệ
- Đa tiền tệ.

5.1. Người cho vay cuối cùng

Trong khuôn khổ chính sách tiền tệ hiện nay, một hành vi sai của một tổ chức tài chính có thể gây hậu quả nghiêm trọng cho hệ thống tài chính liên quan đến nguy

cơ sụp đồ hoàn toàn khối lượng tiền. Để ngăn chặn rủi ro lây lan, các ngân hàng trung ương được trao độc quyền phát hành tiền không giới hạn và trong thời gian mà nó muốn miễn là tình hình ở cực điểm và nguy hiểm cho toàn hệ thống. Người cho vay cuối cùng là một thỏa thuận tốn kém và luôn tạo rủi ro xã hội hóa tổn thất tư nhân.

Mặt khác, ngân hàng tự do để cho thị trường “kỷ luật” tiền xấu và nó không chấp nhận nhu cầu cần người cho vay cuối cùng. Người ta tin rằng hệ thống sẽ không bao giờ rơi vào rủi ro hệ thống vì bàn tay vô hình của cơ chế thị trường buộc từng tổ chức tài chính phải sẵn sàng chống lại tình trạng ồ ạt rút tiền. Người ta cũng tin rằng các tổ chức suy yếu và không khả thi sẽ bị thay thế bởi đối thủ trước khi chúng gây ra rủi ro hệ thống. Nếu nguy cơ vẫn tồn tại, Dowd và những người khác dự kiến “điều khoản lựa chọn”, ở đó trong các trường hợp cực điểm ngân hàng có thể thực hiện việc trì hoãn rút tiền bắt buộc. Đây là một khái niệm về thận trọng – kêu gọi người gửi tiền tránh đầu tư vội vàng và hành động hấp tấp.

Tiền điện tử có tác dụng củng cố chế độ ngân hàng tự do thông qua cung cấp cho chế độ này một công cụ quyền lực để hiện thực hóa và có thể làm giảm nhu cầu đối với người cho vay cuối cùng vì ít nhất 2 lý do. Thứ nhất là do điều khoản lựa chọn trở nên dễ dàng để sắp xếp, quản lý và hiện thực, nhờ không chỉ việc điện tử hóa tiền mà còn tài chính điện tử, kênh phân phối điện tử và quản lý quan hệ điện tử. Tiền điện tử phục vụ việc làm giảm chi phí thiết lập và thực hiện đối với các điều khoản lựa chọn và tất cả các hành vi thuộc hợp đồng giữa người phát hành và người sử dụng.

Thứ hai, nó tạo ra các khuôn khổ mới để phân tích từng yếu tố bảo vệ tính toàn vẹn của tiền để đưa ra các quyết định cá nhân, điều này cuối cùng làm giảm tình trạng cấu trúc hệ thống trong nội bộ việc cung ứng các dịch vụ tài chính. Nó cho phép từng tổ chức phát triển các mối quan hệ cá thể hóa với người sử dụng cuối cùng để có thể sẵn sàng thuyết phục người sử dụng về chất lượng dịch vụ trong trường hợp có một tổ chức thất bại. Chức năng người cho vay cuối cùng không phải để cứu các từng tổ chức tín dụng riêng lẻ và trừ khi một tổ chức thất bại không làm ảnh hưởng đến các thành viên khác của hệ thống tài chính, sẽ không cần đến chức năng này ngay từ đầu. Với sự gia tăng nhận thức của người sử dụng

cuối cùng nhờ sự hỗ trợ của tiền điện tử, sẽ không có thực thể kinh tế nào nghi ngờ về sự ổn định tổng thể của hệ thống khi họ có thể dễ dàng tiếp cận các dữ liệu có thể thuyết phục họ về tính toàn vẹn của tiền mà họ dựa vào.

Tại giai đoạn này, việc nhắc đến các khả năng và hậu quả của việc chế độ ngân hàng tự do đang nổi lên là cần thiết do các sự kiện hiện nay dường như đang được gợi ý từ các khái niệm về ngân hàng tự do. Ví dụ, trong trường hợp của Quản lý Vốn Dài hạn trong mùa thu năm 1998, Ngân hàng Dự trữ Liên bang New York đã dàn xếp nhưng không tham gia vào việc giải cứu được thực hiện bởi các ngân hàng Phố Wall, đây là những ngân hàng có lẽ là tập hợp đủ dự trữ để đáp ứng tình hình. Tổn thất không bị xã hội hóa. Trường hợp tương tự có thể nhắc đến là Barings năm 1996. Trong trường hợp của Ngân hàng Dự trữ New Zealand, mặc dù ngân hàng này có trách nhiệm điều tiết, nhưng yêu cầu của nó buộc các ngân hàng phải giải trình trực tiếp cho công chúng đã thu hút, hoặc ít nhất tạo ra lợi ích chung cho các đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hợp tác để chống lại rủi ro hệ thống. Tiền điện tử khẳng định định hướng này và thậm chí còn nâng cao việc hiện thực hóa điều này. Kỹ thuật phòng ngừa của ngân hàng tự do có thể sẵn sàng được áp dụng do các điều kiện nêu trước yêu cầu người sử dụng tiền điện tử phải chọn “chấp nhận” trước khi tiếp tục. Các diễn biến này đã đưa ra các dấu hiệu về các thông lệ của chế độ ngân hàng tự do thậm chí ngay dưới khuôn khổ chính sách tiền tệ hiện nay và tiền điện tử có thể chỉ mở rộng phạm vi của các thông lệ này.

5.2. Tài trợ tiền (Currency Backing)

Nếu một người đã rõ ràng rằng người cho vay cuối cùng không được đặt ra bởi ngân hàng tự do vì không cần thiết, thì người đó có thể chuyển sự chú ý của mình sang 2 chủ đề liên quan – bảo hộ tiền (tài trợ tiền tệ) và đa tiền tệ (cạnh tranh tiền tệ). Chức năng đơn vị tính toán của tiền nói chung có 2 mặt. Một mặt, để tiền được chấp nhận chung, đơn vị tính toán cần phải được thừa nhận rộng rãi, nếu không việc lưu hành sẽ bị cản trở và người dân sẽ không muốn sử dụng nó. Ví dụ như, đồng đô la Mỹ được chấp nhận nhiều hơn trên toàn cầu so với đồng rúp của Nga. Tuy nhiên, trong các thời điểm khủng hoảng, đơn vị tính toán bản thân nó là không đủ. Khả năng đóng vai trò là phương tiện trao đổi của tiền đặt ra vấn đề

về tài trợ tiền hay bảo hộ tiền. Cho tới năm 1973, vàng vẫn là một cái neo cho tất cả tiền tệ, mặc dù về mặt kỹ thuật nó được giữ tách biệt. Kể từ đó, dự trữ ngoại hối (tức là các đơn vị tính toán khác) đóng vai trò ngày càng tăng. Ví dụ như, tài trợ cho đồng đô la Mỹ là quyền lực kinh tế Mỹ để giữ giá trị của đồng đô la Mỹ so với các đồng tiền khác đủ mạnh để loại bỏ mọi tổn thất về giá trị cho người sử dụng cuối cùng. Tiền và thị trường vốn thanh khoản, cùng cơ cấu tài khóa lành mạnh có thể vượt dư ngân sách duy trì hơn nữa sự bảo hộ cho đồng đô la Mỹ.

Việc xem xét vấn đề về bảo hộ trong khuôn khổ tiếp cận tổng thể của chúng tôi (Hình E) là có ý nghĩa quan trọng. Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà phần lớn lịch sử tiền tệ thế kỷ 20 tập trung vào một cuộc tranh luận về bảo hộ và tìm kiếm một thay thế cho tiêu chuẩn vàng, có hiệu lực tương đương nhưng không có nhược điểm của vàng. Chính vào đầu thế kỷ 20, các NHTW (theo nghĩa tiêu cực) đi đầu, in tiền xấu dường như không giới hạn. Bảo hộ cuối cùng của những tiền xấu như vậy, tất nhiên là doanh thu thuế tương lai, đây là một sự liên quan gián tiếp đến lợi nhuận tương lai. Bảo hộ từ thuế và tài chính mệnh lệnh (fiat finance) có thể che đậy nhưng không thể thay đổi thực tế kinh tế cơ bản là việc bảo hộ tiền liên quan tới một phổ dải giữa các giá trị tiềm năng và giá trị được tạo ra, giữa lợi nhuận trong tương lai và tài sản hiện có hoặc hỗn hợp của cả hai. Vị trí của chúng ta trên dải này phụ thuộc phần lớn vào điều kiện kinh tế.



Hình E: Dải bảo hộ

Hình ảnh này không mới cũng không phải căn bản. Trong khuôn khổ phân tích của chúng tôi, dải bảo hộ này gợi ý rằng “tiền mặt”, hay tiền với tư cách một phương tiện trao đổi, liên quan đến những thứ xác định mà một người có thể mua. Trong chừng mực mà tiền không được tài trợ bởi hàng hóa có thể tiêu thụ, nó không thể nhưng là một tiềm năng (và trong các thời điểm khủng hoảng, thực sự) thu được lợi nhuận tương lai. Điều này khác với chức năng cất trữ giá trị của tiền.

Hình ảnh này cũng quan trọng vì nó một mặt sắp xếp thứ tự, nhưng mặt khác chấp nhận một loạt đa dạng các hình thức tài trợ. Ví dụ, một người có thể nói rằng vàng là tốt và giấy tờ chuyển nhượng là xấu. Thực tế, kinh nghiệm ngân hàng tự do chấp nhận cả hai. Vấn đề là việc tài trợ phải phù hợp và đầy đủ.

Trong thế giới của cái được gọi là các đồng tiền thay thế, thường cùng một gói phần mềm được sử dụng, nhưng tiền tệ được niêm yết liên quan tới các đồ tạo tác và biểu tượng địa phương. Ví dụ, những câu chuyện ở Canterbury (sau cuốn sách nổi tiếng của Chaucer), nhưng những con thuyền ở gần Whitstable (một loại thuyền đánh cá được sử dụng ở đó). Tương tự, những đồng tiền này có nhiều nền tảng kinh tế đa dạng. Một số liên quan với tỉ lệ 1:1 hoặc theo các tỷ lệ khác với tiền quốc gia và với nhau. Các đồng tiền khác tự xác định mình bằng mức lương thiết lập. Ví dụ, thuyền chèo bằng với £5 một giờ, bất kể một người làm gì – làm vườn hay dịch vụ pháp lý. Cũng như vậy, tại Bang New York, một giờ Ithaca tương đương với 1 tiếng làm việc trị giá \$10. Xu hướng tương tự cũng diễn ra đối với các thử nghiệm ảo (tức là dựa trên Internet). Ví dụ, Digicash nhằm tạo ra một hiện diện thuần túy trên Internet của các đồng tiền quốc gia, trong khi e-gold thể hiện việc phân bổ số hóa vàng, để nó có thể được sử dụng như một phương tiện trao đổi cho cuộc sống ảo với tiềm năng tiếp cận cuộc sống truyền thống theo cách thức tương tự đã đạt được thông qua hợp tác giữa Mondex và Beenz, được gọi là thẻ thông minh.

Với điều kiện tiền điện tử vẫn không bị kiểm soát và điều tiết ngoài các quy luật vận động tự do của thị trường, sự nổi lên của chúng ám chỉ sự mạnh lên của quy tắc ngân hàng tự do. Khả năng này là có thực một cách đặc biệt do tiền điện tử ủng hộ các hệ thống bù trừ độc lập với sự sụt giảm nhu cầu đối với tiền ngân hàng trung ương và cho phép mở rộng tín dụng phi ngân hàng thông qua việc nói lỏng các kênh phân phối. Một đặc điểm nữa – tính ẩn danh – củng cố xu hướng này và có thể chứng minh là khả thi với sự phát triển của công nghệ “chữ ký cam” hoặc, đơn giản hơn, là bằng việc sử dụng các mã thông báo dùng một lần được phát hành trên các mạng lưới máy tính cá nhân, ti vi kỹ thuật số, các thiết bị hỗ trợ kỹ thuật số cá nhân như điện thoại di động. Tiền điện tử, theo đó, đặt áp lực bảo hộ tiền đủ mạnh để đảm bảo sự toàn vẹn của tiền nhằm duy trì niềm tin vào nó. Do đó các đơn vị phát hành tiền điện tử độc lập có thể quyết định tài trợ (hay bảo hộ)

khối lượng phát hành với nhiều lựa chọn khác nhau. Ví dụ, khối lượng tiền phát hành có thể được tài trợ bằng quỹ thị trường tiền tệ. Một biện pháp tài trợ khác là chỉ số giao dịch cổ phiếu hoặc bất kỳ quỹ bất động sản nào. Thực tế không có giới hạn về các biện pháp tài trợ khác nhau vì bất cứ cái gì có thể duy trì niềm tin của người sử dụng cuối cùng vào tính toàn vẹn của tiền có thể được sử dụng để tài trợ. Đường như không có gì sai với các cách thức tài trợ hiện nay đối với các đồng tiền lớn trên thế giới. Miễn là đồng đô la Mỹ và đồng Euro là cạnh tranh và người sử dụng cuối cùng ở Mỹ và Europe được phép lựa chọn giữa 2 loại tiền này, chúng cũng có thể cạnh tranh với tài sản tài trợ. Trong trường hợp này, việc tài trợ tiền tệ chỉ là các tiềm năng tương lai tại mỗi bên của Đại Tây Dương để duy trì sức khỏe của nền kinh tế của mình. Miễn là ổn định tài chính được duy trì ở cả 2 bên khu vực với các ngân hàng trung ương có đủ năng lực, người sử dụng cuối cùng sẽ không có lý do gì để yêu cầu thay thế cách thức tài trợ nhưng một khi có nhu cầu về một tài trợ khác, thì tiền điện tử có thể chỉ giúp thiết kế một thỏa thuận mới và hỗ trợ duy trì khả năng tương thích chống lại các đồng tiền yếu.

5.3. Sự đa dạng của tiền tệ

Viễn cảnh về các loại tiền tệ không bị điều tiết ám chỉ đa tiền tệ hay cạnh tranh tiền tệ, việc này đặt ra câu hỏi về cách thức mà chúng hoạt động. Ví dụ, trường hợp LTCM minh họa khả năng các tổ chức tài chính có thể tạo tín dụng “theo cách mới”², đặc tính này phức tạp hơn khi liên quan đến tiền điện tử và khi muốn đánh giá mối quan hệ giữa cơ sở tiền và việc tạo tiền. Nó là hệ quả theo sau việc bản chất của các bảo hộ tương ứng có thể được xác định khác nhau và trong cả 2 trường hợp việc bảo hộ toàn bộ vẫn được duy trì (Hình E).

Khả năng trao đổi (fungibility) của bảo hộ được hỗ trợ bởi hệ thống bù trừ, hệ thống này không phán xét một bảo hộ “chính đáng” nên là gì mà để lại vấn đề này cho thị trường. Sau lý thuyết về ngân hàng tự do, đa tiền tệ không phát triển nhanh chóng nhưng tuân theo quy tắc hợp lý. Trong hình thức biểu hiện cuối cùng của ngân hàng tự quản lý (ngân hàng tại nhà...), người ta có thể tính đến việc mỗi

² Trích dẫn từ một cuộc phỏng vấn chưa được công bố với Frederik Musch, một thành viên lâu năm của Ủy ban Basle và Phó Giám đốc của Viện Ổn định Tài chính ở Basle.

người có một loại tiền tệ³. Tuy nhiên, điều này là hoàn toàn không thể vì thương mại và phân công lao động kể cả giữa hai cá thể cần phải có một yếu tố chung, một ngôn ngữ chung để giao tiếp. Đa tiền tệ được cho rằng ám chỉ về một ngân hàng toàn cầu nhưng chắc chắn điều này cũng đòi hỏi một ngôn ngữ chung. Tuy nhiên, chúng ta đặt ra rất nhiều cái tên cho các đồng tiền riêng của mình, và chúng cần phải có mối liên hệ với nhau. Chắc chắn là, các mối liên hệ này không cần thiết được xác định sẵn như chế độ bản vị vàng, từ vàng (hoặc một hình thức bảo hộ/tài trợ khác) thông qua một loại tiền tệ cơ sở đến các loại tiền khác. Thay vào đó, các loại tiền tệ được xác định một cách độc lập sẽ kết hợp lại trong một rổ tiền tệ (tốt nhất), một đơn vị tính toán chung. Tỷ lệ hoán đổi có thể không phải tất cả đều là 1:1, nhưng các tỷ lệ này là cần thiết và sẽ phải dựa trên mức độ lưu thông (floating). Do vậy các lực lượng thị trường sẽ được phép hoạt động để tìm ra một mẫu số chung (denominator) tốt nhất. Nói cách khác, các bên trong các giao dịch được tự do quyết định mức tỷ lệ ngang giá phù hợp với mình.

Cho đến nay viễn cảnh này vượt ra ngoài những cân nhắc về kinh tế của một quốc gia và nền kinh tế thế giới nói chung trở thành khung tham chiếu chính, ở đây chúng ta một lần nữa đề cập đến việc nhận thức về sự cần thiết của chế độ ngân hàng tự do, ít nhất là theo quan điểm của Hayek về việc phi quốc gia hóa đồng tiền. Điều này, như đã được thừa nhận, dẫn đến việc thu hẹp lại số lượng các loại tiền tệ – mà logic của nó có thể là việc toàn cầu hóa tài chính. Các thị trường tài chính thế giới và tài chính điện tử nói riêng không coi trọng khu vực pháp lý tiền tệ quốc gia, do vậy tác động của chúng là thúc đẩy sự đồng nhất trong các lĩnh vực chính sách tiền tệ, giám sát và sự phi quốc gia hóa tiền tệ. Trên thực tế, với mục đích này, khó có thể có một phương tiện nào hiệu quả hơn là tiền điện tử.

Tuy nhiên, việc phi quốc gia hóa tiền tệ tạo ra nhiều cân nhắc. Việc định danh một tiền tệ trong một khuôn mẫu quốc gia là để ẩn đi một thực tế quan trọng là (a) khả năng hoán đổi của nó với các loại tiền tệ khác và (b) khả năng chuyển đổi lẫn nhau về mặt giá trị thực thay vì định danh, hoặc có lẽ đúng hơn là, được bảo

³ Ý tưởng này gần đây đã được Mark Salmon mô tả là một trong hai thái cực lý thuyết nhưng không thực tế. (Xem phần “Thế giới cần bao nhiêu tiền? City Business, Mùa xuân 1999, một ấn phẩm của Trường Đại học Kinh doanh City, Luân Đôn.)

hộ/tài trợ lành mạnh thay vì thiếu lành mạnh. Về mặt này, tiền điện tử dễ dàng mở rộng phạm vi tiếp cận của tiền tốt với sự bảo hộ/tài trợ tốt nhất tới người nắm giữ cuối cùng, thực hiện thành công chức năng của mình ở cả vai trò là phương tiện trao đổi cũng như cất trữ giá trị. Mỗi người nắm giữ tiền sẽ được lựa chọn trong số các loại tiền tệ mà không bị giới hạn bởi sự sẵn có địa phương. Tính đa dạng của tiền tệ trong vấn đề này làm cho nhiều hơn một đơn vị tính toán có thể được lựa chọn làm đơn vị định danh chung trong thương mại ở cả mức độ địa phương và quốc tế tùy theo sự ưa thích. Tập quán này bị giới hạn tại thời điểm hiện nay do phụ thuộc vào mức độ thay thế tiền tệ nhưng tiền điện tử sẽ mở rộng phạm vi tiếp cận của tiền tốt và tăng mức độ cạnh tranh giữa các loại tiền quốc gia và quốc tế, nhờ đó hỗ trợ bảo vệ các loại tiền mạnh có giá trị bền vững.

Do đó, tiền điện tử độc lập do tư nhân phát hành có thể không tìm được chỗ đứng để thách thức sự ảnh hưởng của đồng đô la Mỹ và khu vực đồng euro nhưng điều này không làm giảm đi tác động của tiền điện tử đối với việc tạo thuận lợi cho các thông lệ hoạt động ngân hàng tự do. Sự cạnh tranh giữa đồng euro và đô la có thể mở rộng phạm vi chế độ ngân hàng tự do để có thể tạo ra trật tự tài chính tốt hơn và việc ủng hộ về mặt pháp lý đối với tiềm năng này thông qua việc cả 2 bên thừa nhận cả 2 đồng tiền này là tiền pháp định sẽ làm giàu thêm các tập quán hoạt động ngân hàng tự do.

6. Chế độ ngân hàng trung ương tranh cãi

Như chúng tôi đã đề cập nhiều lần trong nghiên cứu này, thực tế, dường như tiền điện tử không chỉ ủng hộ chế độ ngân hàng tự do mà còn là phương tiện để triển khai chế độ này. Điều này đặt ra câu hỏi về sự giao thoa của diễn biến này với chế độ ngân hàng trung ương hiện đại. Dường như chúng ta cần phải tính một mô hình chuyển tiếp để chế độ ngân hàng trung ương tiến tới chế độ ngân hàng tự do. Do đó, chúng tôi đã nghĩ đến khái niệm về ngân hàng trung ương cạnh tranh.

6.1. Khái niệm

Do những tranh cãi liên quan đến chế độ ngân hàng trung ương, thuật ngữ này đòi hỏi phải có giải thích. Nó không đề cập đến ngân hàng trung ương như là một chủ thể hay ngân hàng của chính phủ theo nghĩa truyền thống. Mặc dù các ngân hàng trung ương thực hiện nhiều chức năng thay mặt chính phủ, nhưng chúng tôi

chỉ tập trung vào chức năng quản lý hệ thống đối với nền kinh tế. Mặc dù nhiều người cho rằng đây là vai trò đúng đắn và phù hợp của chính phủ, nhưng chúng tôi không coi các vấn đề tiền tệ cần phải thực hiện bởi các chính phủ. Thực tế, lịch sử chỉ ra rằng khi các chính phủ kiểm soát các ngân hàng trung ương, họ thường tạo ra sự bất ổn về tài chính và tiền tệ. Ngân hàng trung ương cạnh tranh vượt ra ngoài khái niệm ngân hàng trung ương như là các công cụ chính sách ngắn hạn và/hoặc chính sách lạm phát, đơn thuần như là một phương tiện mà qua đó chính phủ có thể ảnh hưởng tới sự hoang phí, để trừ tính trước một sự giải phóng của các NHTW khỏi sự kiểm soát của chính phủ. Do đó, khái niệm này tính đến diễn biến thực tế như việc chuyển giao chức năng quản lý nợ ra khỏi ngân hàng trung ương và để khu vực tư nhân cung ứng dịch vụ cho hoạt động tài khoản công. Nó cũng trừ tính một sự thay đổi nhấn mạnh vào vai trò của ngân hàng trung ương trong việc thu thập dữ liệu tài chính, như ví dụ của Luật Ngân hàng trung ương Anh cho phép ngân hàng có quyền thu thập từ bất cứ nguồn nào tất cả các loại dữ liệu liên quan đến việc phân tích đầy đủ sự vận hành của nền kinh tế. Cuối cùng, ngân hàng trung ương cạnh tranh đòi hỏi phải lấy bối cảnh toàn cầu hay quốc tế làm khung tham chiếu chính và do đó tương thích với các khái niệm tiền tệ phi quốc gia của ngân hàng tự do.

Chúng tôi không cho rằng ngân hàng trung ương cạnh tranh có thể tương đương với ngân hàng tự do, nhưng nó có thể mô tả một lộ trình chuyển tiếp sang ngân hàng tự do - một sự tiến hóa tự nhiên từ chủ nghĩa can thiệp sang tác động theo bối cảnh. Cách tiếp cận này cũng tương tự như White (1995), ông cho rằng “lý do ra đời của ngân hàng tự do chỉ đơn giản là sự phát triển tự phát hoặc trật tự tự nhiên về tiền tệ. Như chúng ta đã thấy, dưới khuôn khổ ngân hàng tự do, trung tâm của nền kinh tế là một trung tâm bù trừ cho các tổ chức tài chính dựa trên cả việc phát hành tiền cạnh tranh và tài trợ/hậu thuẫn (cho tiền) cạnh tranh. Trong hệ thống này, dữ liệu tài chính thường có sẵn và người dùng có trách nhiệm tự đảm bảo rằng mình không chấp nhận “tiền xấu”. Tiền điện tử có thể chỉ tăng cường tính minh bạch và sự sẵn có của dữ liệu mà chế độ ngân hàng tự do vốn đòi hỏi. Tương tự, như tên của nó ám chỉ, ngân hàng trung ương cạnh tranh khác biệt với ngân hàng trung ương và kiểm toán trung ương. Nó đề cập đến các thỏa thuận sắp xếp mà ở đó chức năng của ngân hàng trung ương bị giảm bớt và chỉ

tập trung vào việc thu thập và phân tích dữ liệu tài chính thay vì quản lý trực tiếp dòng tiền. Tiền-trở-thành-thông-tin trở thành phương tiện đưa ra những đánh giá đúng đắn cho các hoạt động dựa trên thị trường khác, cho phép thị trường thực hiện các chức năng của ngân hàng trung ương, đặc biệt là các chức năng liên quan đến chính sách tiền tệ và giám sát tài chính. Theo nghĩa này, ngân hàng trung ương cạnh tranh hoạt động như một chủ thể xã hội trong quyền hạn của riêng mình, tập trung vào các quyết định theo bối cảnh (tình huống), nhưng mặt khác lại để việc cung cấp và quản lý trực tiếp cả tiền mặt và tín dụng cho thị trường. Đây là một khái niệm phản ánh rất nhiều tính chất của trung tâm thanh toán bù trừ trong chế độ ngân hàng tự do.

Để đưa ra một minh chứng cụ thể cho những gì chúng tôi suy nghĩ, hãy xem xét những diễn biến mới nhất trong trường hợp của ngân hàng trung ương Anh. Cùng với đưa ổn định giá cả thành trọng tâm mà chính sách tiền tệ theo đuổi trong khuôn khổ ngân hàng trung ương độc lập, ngân hàng trung ương Anh đã chuyển giao chức năng giám sát. Ngân hàng đã thành lập Ủy ban Chính sách tiền tệ - một cơ quan của các chuyên gia tài chính và kinh tế với một sứ mệnh kinh tế rõ ràng - mang lại ổn định giá cả. Dù ngân hàng trung ương Anh có thể được xem là một mô hình hay không nhưng thực tế có vẻ chắc chắn rằng nó minh họa một xu hướng rõ ràng trong ngân hàng trung ương cho phép cán bộ ngân hàng trung ương đưa ra quyết định theo các sáng kiến của thị trường thay vì lợi ích chính phủ. Do đó, ngân hàng trung ương bắt đầu công bố các báo cáo thông tin giải thích các điều kiện tiền tệ hiện tại và kỳ vọng. Xu hướng hướng đến định hướng thị trường này có thể là một bước tiến đi tới việc phụ thuộc hoàn toàn vào “bàn tay vô hình” của thị trường. Từ quan điểm phi quốc gia hóa tiền tệ, ECB có thể đưa ra một ví dụ tương tự trong lập luận này khi đồng euro là một loại tiền tệ quốc tế. Hơn nữa, đô la hóa thực chất đã hiện diện thực tế ở một số quốc gia Mỹ Latin. Những ví dụ này có thể cho thấy rằng khuôn khổ tiền tệ truyền thống đã ở trong một quy trình chuyển tiếp (quá độ).

Theo nghĩa này, ngân hàng trung ương cạnh tranh có thể được xem là đã đánh dấu một sự quá độ khả thi từ khuôn khổ chính sách tiền tệ dựa trên ngân hàng trung ương sang chế độ ngân hàng tự do. Do đó, có thể mô tả ngân hàng trung ương cạnh tranh theo các cách như sau:

- Các tổ chức xã hội nhưng theo định hướng thị trường;
- Các hội đồng chính sách tiền tệ dựa trên chuyên môn thay vì được chính phủ chỉ định, tập trung vào các giải pháp thị trường thay vì các công cụ chính sách can thiệp;
- Không quản lý nợ;
- Không quản lý thanh khoản liên quan đến tài khoản công;
- Không giám sát tài chính;
- Không có bộ phận phát hành thông qua việc tư nhân hóa phát hành tiền giấy và in (đúc) tiền;
- Minh bạch tối đa trong quy trình ra quyết định;
- Hiệu quả tối đa trong phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro.

Định nghĩa theo hoạt động này của ngân hàng trung ương cạnh tranh giả định hình ảnh của ngân hàng như là một đại lý xã hội có quyền riêng, được giao nhiệm vụ và báo cáo trực tiếp cho quốc hội (hoặc tương đương). Mục đích chính của nhiệm vụ này là làm rõ các quy định của hiến pháp và luật pháp về trách nhiệm của ngân hàng trung ương và đảm bảo quyền tự chủ của nó trước chính phủ lẫn lợi ích tài chính. Khuôn khổ luật pháp cũng đặt ra cách thức mà nhiệm vụ của ngân hàng được đánh giá và sửa đổi và cách thức giải quyết xung đột. Ngân hàng trung ương hoạt động trong môi trường trách nhiệm dân chủ. Tuy nhiên không phải bằng việc bầu cử mà bằng việc hoạt động một cách rõ ràng và minh bạch và báo cáo rõ ràng, thường xuyên và có giá trị cho quốc hội hoặc đơn vị tương đương, không nhất thiết cho một quốc gia nhưng có thể cho quốc tế. Nó hoạt động trong môi trường cạnh tranh về kinh tế ở đó các dữ liệu mà nó có nói chung cũng sẵn có trên thế giới. Khả năng hoạt động của NHTW theo cách thức này được củng cố bởi sự tự do hoàn toàn về thời gian, cách thức và những gì nó truyền đạt, miễn là tính minh bạch và yêu cầu về báo cáo giải trình theo đó cũng được tăng cường. Với tính dân chủ được đảm bảo và theo đuổi sự phân tách rõ ràng giữa các cân nhắc về chính trị và về kinh tế, ngân hàng trung ương chịu trách nhiệm quan trọng đối với việc hỗ trợ sự thịnh vượng và thậm chí cả sự vận hành của toàn bộ nền kinh tế. Khái niệm thiết yếu ở đây là thúc đẩy mức độ ổn định của hoạt động kinh

tế thông qua duy trì ổn định giá cả. Nâng cao nhận thức người tiêu dùng đối với các dịch vụ tài chính bằng tiền điện tử có thể giúp ích cho tính hiệu lực và hiệu quả của khuôn khổ này.

Như đã mô tả như trên, ngân hàng trung ương cạnh tranh có thể không đồng nghĩa với ngân hàng tự do, nhưng nó có thể đang thiết lập bước đệm cho sự thay đổi cơ bản của cơ chế này. Ví dụ, nó có thể dẫn tới việc các ngân hàng trung ương cư xử giống như các cơ quan trung ương để giúp cho các tổ chức tài chính tìm kiếm các cơ hội để giảm chi phí hoạt động (ví dụ: tiêu chuẩn hóa hệ thống thanh toán). Chúng có thể cung cấp dữ liệu tài chính cho tất cả các thực thể kinh tế, nhờ đó tạo thuận lợi để việc phân tích có thể được thực hiện bởi bất kỳ ai, trong khi vẫn công bố các báo cáo tài chính riêng song song với các nguồn độc lập. Điều này sẽ phục vụ để ngăn chặn sự phát hành quá mức của bất kỳ loại tiền điện tử nào (cho dù được hậu thuẫn (backing), bằng chỉ số (indexed) hay là định danh đơn giản), do đó giúp đảm bảo sự ổn định tiền tệ và tài chính bằng cách ngăn chặn các rủi ro hệ thống gây ra bởi các nhận định pháp lý sai lầm. Khi tất cả những điều nói trên tồn tại, nó có thể là một bước khá đơn giản để các ngân hàng trung ương cho phép phát hành tiền tư nhân, xóa bỏ tiền pháp định để ủng hộ cho phát hành cạnh tranh – có lẽ không nằm trong một khu vực kinh tế đơn nhất như khu vực đồng euro mà giữa đồng euro và đồng đô la Mỹ chẳng hạn.

Do đó, ngân hàng trung ương cạnh tranh có thể được xem như là một phương tiện để thúc đẩy tính toàn vẹn của tiền tệ trong thị trường tự do nhiều nhất có thể và hạn chế sự can thiệp về lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chỉ số tài chính tương tự. Ngay từ đầu nó chịu trách nhiệm trực tiếp trước xã hội, nhưng được xác định rõ là trách nhiệm báo cáo và được kiểm toán bởi quốc hội. Nó báo cáo cho công chúng thông qua các báo cáo định kỳ, thậm chí hàng ngày khi điều này cần thiết để duy trì niềm tin vào tính toàn vẹn của tiền tệ và sự ổn định của các thị trường tài chính. Ngân hàng trung ương cạnh tranh từ chối bất kỳ loại can thiệp chính trị nào trong các công cụ chính sách và hạn chế việc tạo ra rủi ro đạo đức. Các cơ chế quyết toán thị trường và truyền dẫn thị trường được ưu tiên hàng đầu và sự ổn định được bảo vệ thông qua sự am hiểu chuyên môn ngày càng được nâng cao về quản lý rủi ro và kỹ thuật phân tích dữ liệu nâng cao. Chức năng chính của ngân hàng trung ương cạnh tranh là thực hiện các đặc tính “trung tâm” của hệ

thông tài chính, đó là đặc điểm chung của cả ngân hàng trung ương và ngân hàng tự do, với sự tập trung ở đây được hiểu theo nghĩa hoạt động hơn là sức mạnh. Nó cũng tạo ra một cách thức chuyển tiếp để loại bỏ hoạt động ngân hàng trung ương yếu kém. Các ngân hàng trung ương cạnh tranh với nhau để duy trì tính toàn vẹn của các khoản tiền của chúng trong các quy tắc thị trường tự do và chúng không thích tạo ra rào cản để gia nhập khu vực tiền tệ của mình với bất kỳ phương tiện nào kể cả các thỏa thuận về tiền pháp định. Người sử dụng cuối cùng sẽ được phép có quyền lựa chọn sử dụng loại tiền mà họ muốn và có quyền ký kết hợp đồng với loại tiền mà mình muốn. Liệu việc này sẽ dẫn đến hoạt động ngân hàng trung ương “có năng lực” hay ngân hàng tự do thì cần phải xem xét thêm. Trong cả hai kịch bản, tiền điện tử là một hiện tượng song tồn tạo ra thêm nhiều giải pháp cho các vấn đề chính sách tiền tệ hiện nay.

6.2. Chuyển đổi thuế đúc tiền

Từ những phân tích ở trên cho thấy đã đủ để nói rằng ngân hàng tự do có thể được nhìn nhận là có một ý nghĩa quan trọng khác cho những người phản đối và ủng hộ nó, và rằng các nguyên tắc mà nó ủng hộ cũng có thể hoạt động trong thực tế, theo cách ngoài ý muốn. Tuy vậy, để kết thúc bài viết này, chúng tôi muốn đưa ra bình luận có liên quan đến hoạt động ngân hàng trung ương cạnh tranh và vấn đề thuế đúc tiền.

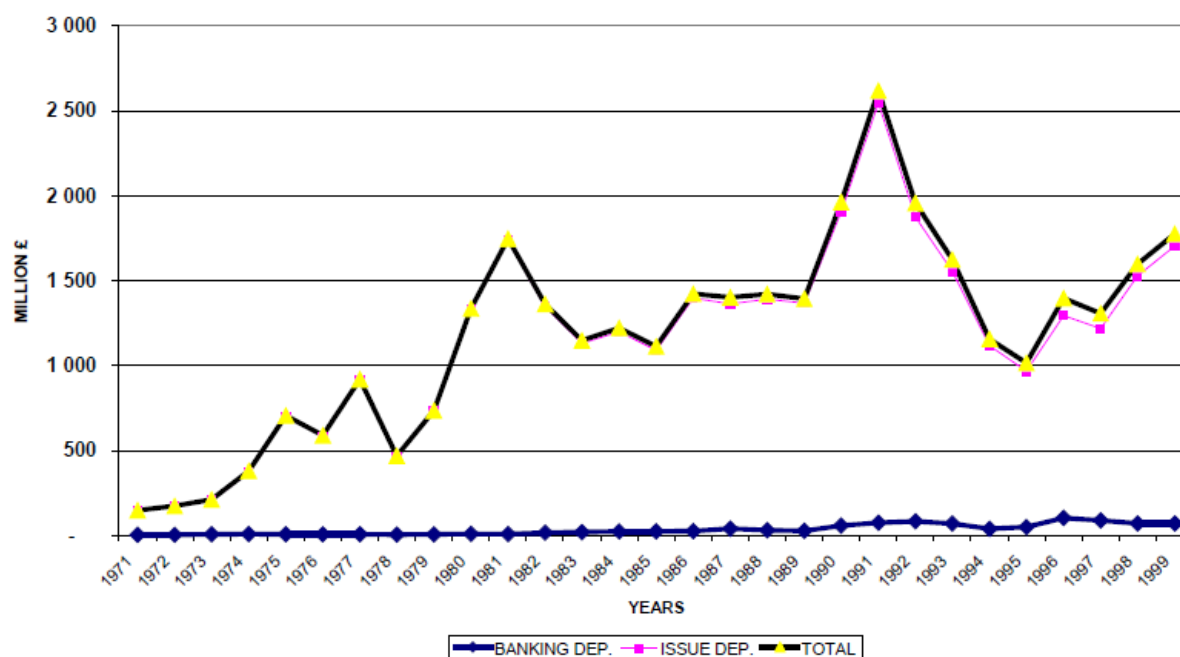
Như đã đề cập, khái niệm ngân hàng trung ương cạnh tranh đã phân biệt ba khía cạnh hoặc nhiệm vụ chính – thực thi chính sách tiền tệ, giám sát các thị trường tài chính và duy trì tính toàn vẹn của một đơn vị tính toán – và sau đó trù tính sự kết hợp hoặc phân rã của các khía cạnh này. Một hình ảnh như vậy về sự phát triển hoạt động ngân hàng trung ương có một ý nghĩa sâu sắc về sự biến mất của quan hệ thuế đúc tiền (lợi nhuận in tiền) và cùng với nó là khả năng thuế đúc tiền có thể bị lạm dụng hoặc bị tấn công bởi chính phủ cho các mục đích phi kinh tế. Chúng tôi đã không đề cập đến vấn đề này vì các lý do chính trị, nhưng do nó có vẻ được ngầm chỉ ra từ các diễn biến lịch sử mà chúng tôi đang tìm cách để minh họa. Thật vậy, chúng tôi đã cân nhắc không đề cập đến vấn đề thuế đúc tiền nào cả, nhưng có vẻ như một số chuyển đổi trong thuế đúc tiền đã được tích hợp vào trong sự logic của các sự việc. Việc bỏ qua bất kỳ đề cập nào tới vấn đề này có

thể gợi ý rằng khía cạnh này của hệ thống tài chính sẽ không bị ảnh hưởng. Đây là một sự kiện không thể xảy ra mà chúng ta không được phép bỏ qua.

Những diễn biến hiện tại có thể dẫn đến việc xác định lại thuế đúc tiền, thoát khỏi các thói quen “không hợp lý” và gây ra lạm phát của việc “in tiền” để trả nợ - một khái niệm về thuế đúc tiền mà có thể cần được điều chỉnh lại theo các cách tiếp cận non trẻ về hoạt động ngân hàng trung ương. Chúng tôi cho rằng ngày nay tiền được hiểu một cách đầy đủ, ít nhất là trong các nền kinh tế phát triển, để vượt qua những sai lầm trong quản lý gây ra bởi các thông lệ như trên. Chẳng hạn, cuộc khủng hoảng tài chính gần đây ở Nga đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết khi họ không nhìn nhận được các tác động lạm phát từ việc thao túng cơ sở tiền tệ trong nước sẽ dẫn tới việc thay thế tiền tệ, và từ đó làm suy yếu hệ thống tài chính. Trong trường hợp của Nga, chắc chắn là bất kỳ lợi nhuận nào thu được từ việc in tiền cũng sẽ không nhiều bằng những tổn hại mà sai lầm trong cách thức quản lý tạo ra đối với lãi suất ngắn hạn, như đã từng xảy ra ở những tình huống tương tự. Điều này khó có thể cho thấy thuế đúc tiền là tốt. Trái lại, việc tìm kiếm thu nhập từ việc in tiền chỉ có thể gây ra sự bóp méo trong dự trữ tiền tệ, dẫn đến khủng hoảng tiền tệ và tài chính. Do đó, tốt hơn cả là giới hạn định nghĩa về thuế đúc tiền chỉ là tiền lãi thu được từ hoạt động kinh doanh tiền của cơ quan công quyền thông qua việc sản xuất, phân phối và quản lý tiền.

Ví dụ, trong những năm gần đây, đặc biệt là ở các nền kinh tế phát triển, một phần đáng kể của lợi nhuận đến từ thu nhập lãi từ lượng trái phiếu và kỳ phiếu mà các cơ quan điều hành tiền tệ nắm giữ được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho lượng tiền trong lưu thông. Ví dụ, Kho bạc Mỹ đã kiếm được khoảng 5% thuế đúc tiền trên việc phát hành đô la. Ngân hàng Anh cũng thu lợi nhuận từ việc phát hành giấy bạc ngân hàng thông qua Vụ Phát hành tiền của mình (xem Biểu đồ 2), do đó ngay cả trong các trường hợp hiện tại, các ngân hàng trung ương có thể tạo lợi nhuận mà không phải giao dịch với tiền giấy và tiền xu, vì Vụ phát hành của Ngân hàng Anh được hạch toán riêng.

Biểu đồ 2: Lợi nhuận của NHTW Anh chuyển sang Kho bạc



Như biểu đồ đã minh họa, Bộ phận Ngân hàng có lợi nhuận độc lập, trong đó một số lợi nhuận của Bộ phận này thậm chí còn được chuyển vào Kho bạc HM. Đồng thời, chi phí của hoạt động ngân hàng trung ương đã giảm dần cùng với chi phí của hoạt động ngân hàng truyền thống, một phần nhờ vào tác động của các chi phí điện toán và liên lạc giảm đi.

7. Kết luận

Để tóm tắt, tác động và ảnh hưởng của tiền điện tử là rất rộng. Chúng ta tập trung vào ba lĩnh vực cụ thể:

1. Vì hai lý do chính, tiền điện tử có thể dẫn đến một kỷ nguyên mới cho thông lệ hoạt động ngân hàng tự do. Thứ nhất, đổi mới trong công nghệ thanh toán làm giảm chi phí cố định của kinh doanh ngân hàng. Rẻ hơn việc in tiền, phân phối và lưu trữ tiền giấy thông qua hệ thống ngân hàng, việc tạo ra các chuỗi tiền kỹ thuật số có thể làm giảm chi phí duy trì cơ sở hạ tầng hệ thống thanh toán cho nền kinh tế nói chung. Điều này có thể hấp dẫn nhiều thực thể kinh tế cung cấp các dịch vụ tài chính do những rào cản tự nhiên trong việc gia nhập vào ngành ngân hàng trở nên kém hiệu quả hơn. Thứ hai, là khả năng tính toán của các thế hệ máy tính mới đã tăng lên, việc quản trị rủi ro và xử lý số liệu với số lượng lớn của các tổ chức có thể là không có rủi ro và ít tốn kém chi phí xử lý hơn. Sau đó, có thể là việc độc quyền thông tin của các ngân hàng về các dịch vụ tài chính có thể

giảm đi, tạo cơ hội cho các tổ chức phi ngân hàng cung cấp các dịch vụ tài chính cho khách hàng. Sự phát triển như vậy có thể làm giảm sự đối xử đặc biệt của các ngân hàng so với các doanh nghiệp khác, do đó sẽ khó khăn hơn để bác bỏ lập luận về vị thế tư nhân của các ngân trong nền kinh tế.

2. Sự phát triển của tiền điện tử còn ngụ ý những thay đổi căn bản liên quan đến tiền, ngân hàng và tài chính do cách thức nó kết nối các giải pháp thị trường cho các vấn đề tiền tệ. Tác động của nó đối với chức năng người cho vay cuối cùng, đảm bảo tiền tệ và số nhân tiền tệ có thể là rất mạnh.

3. Về mặt kỹ thuật, tiền điện tử có thể có các tác động khác nhau lên các chức năng khác nhau của tiền. Đối với chức năng là đơn vị tính toán, có thể mong đợi rằng tiền điện tử sẽ làm giảm ngoại tác mạng lưới bằng cách làm giảm chi phí cố định của kết nối mạng (ví dụ hệ thống thanh toán bù trừ tư nhân đã sẵn có) và bằng cách làm giảm chi phí chuyển đổi từ mạng cục bộ này sang mạng cục bộ khác (chọn lựa các đơn vị tính toán khác mà không gặp khó khăn miễn là các quy định về tiền pháp định được điều chỉnh để cho phép tự do ký hợp đồng bằng các loại tiền tệ ưa thích).

Đối với chức năng là phương tiện trao đổi, tiền điện tử sẽ tạo điều kiện cạnh tranh tiền tệ bằng cách cho phép các thực thể kinh tế cung cấp các loại tiền hiệu quả về mặt kỹ thuật và là loại tiền thay thế hiệu quả để tiếp cận người tiêu dùng cuối cùng. Vấn đề cạnh tranh không chỉ là vấn đề của quốc gia, nó còn là vấn đề quốc tế, chứng kiến cuộc cạnh tranh giữa đồng euro và đồng đô la Mỹ. Ngay cả ở giai đoạn hiện nay, tiền điện tử trong ngân hàng cung cấp “các tài khoản cá nhân dựa trên nhiều loại tiền” có thể chuyển sang bất kỳ loại tiền nào vào bất kỳ thời gian nào, trong khi một thẻ ngân hàng có thể cho phép người dùng chi tiêu bằng nhiều mệnh giá tiền tệ khác nhau ở bất cứ đâu trên thế giới. Do đó, tiền điện tử cung cấp các giải pháp mang tính địa phương và quốc tế để cho vấn đề quyết toán, qua đó làm đa dạng thêm cách thức bảo hộ tiền. Thông qua các hệ thống giao dịch trao đổi địa phương, mọi thứ từ bánh mỳ đến thời gian có thể được định nghĩa là tiền miễn là có một cộng đồng sẵn sàng chấp nhận nó và những giải pháp địa phương như vậy có thể được mở rộng đến các khu vực rộng hơn miễn là việc cung cấp một công cụ như vậy có thể xoay sở để tạo ra đủ cầu. Tiền điện tử cho

phép mọi thứ, từ vàng đến vỏ sò, được phân phối điện tử trong mạng lưới địa phương hoặc quốc tế. Sự phát triển này giúp nâng cao hiểu biết của mọi người về tiền tệ và thị trường tài chính và tạo áp lực lên các tổ chức tài chính để buộc họ phải minh bạch hơn đối với cộng đồng mà họ đang phục vụ. Nó mang lại tiền tốt trong tầm tay của bất kỳ ai trên trái đất miễn là họ có một mạng lưới kết nối, và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng ngày càng gia tăng của các loại tiền tệ ổn định ở phạm vi quốc tế cũng như phạm vi quốc gia.

Đối với chức năng lưu trữ giá trị, tiền điện tử sẽ nâng cao chất lượng và số lượng của các thông tin có sẵn. Điều này sẽ giúp ích rất nhiều trong việc làm giảm khả năng có thông tin không hoàn hảo, và để tăng cường việc xử lý dữ liệu và các kỹ thuật quản trị rủi ro, giúp cho việc chọn lựa các danh mục đầu tư dễ dàng hơn. Thứ hai, nó sẽ làm giảm các rào cản trong việc gia nhập vào thị trường phân phối các dịch vụ tài chính, một thực tế đã có thể quan sát được trong ngành tài chính. Về các vấn đề liên quan đến hệ thống của ngành tài chính, có khả năng tiền điện tử sẽ hỗ trợ việc đánh giá riêng đối với mức độ an toàn và lành mạnh của các tổ chức tài chính cụ thể. Điều này cho phép việc xử lý riêng các tổ chức tài chính gặp vấn đề, làm giảm xu hướng lây lan. Bằng cách giảm sự phụ thuộc lẫn nhau của các nhà cung cấp dịch vụ tài chính theo cách này, rủi ro của các vấn đề mang tính hệ thống cũng có thể giảm đi nhờ tiền điện tử. Cuối cùng, xét trên khía cạnh tiền điện tử ngụ ý hoặc đề cập đến một hiện tượng rộng hơn của tài chính điện tử nói chung, tiền điện tử có tác động sâu sắc trong hệ thống ngân hàng. Toàn bộ, bao gồm ngân hàng trực tuyến, ngân hàng điện thoại, ngân hàng điện thoại di động, các hệ thống kế toán dựa trên máy tính... đang tham gia vào ngành ngân hàng dễ dàng hơn bao giờ hết bằng cách thực hiện các quy trình rõ ràng và có thể lặp lại mà trước đây không được hiểu hết và là lãnh địa của các chuyên gia.

Mặc dù sự giải thích về các vấn đề này không được chỉ ra, nhưng sự phát triển hiện nay trong thế giới tài chính dường như đang mở ra các vấn đề được đề cập trong nghiên cứu này. Các diễn biến này gần giống với một số đặc điểm nhất định của ngân hàng tự do, mặc dù không phải là một kết quả xuất phát từ sự ủng hộ vận động cho ngân hàng tự do, và chúng được củng cố, thậm chí tăng tốc bởi sự xuất hiện của tài chính điện tử và tiền điện tử. Sự xuất hiện của chúng cho thấy rằng, trừ khi “tái cấu trúc” theo cách có thể cạnh tranh, tương lai của ngân hàng

trung ương có thể trở nên không chắc chắn. Các ngân hàng trung ương do đó có thể chuyển đổi để phù hợp với triết lý và nguyên tắc của ngân hàng tự do.

Từ quan điểm này, sự ra đời của cái gọi là tiền điện tử là một hiện tượng tiền tệ và công nghệ, và cần chú ý và không đánh giá thấp tầm quan trọng của nó. Nếu lập luận “chưa đủ thuyết phục” được chấp nhận, do nó có vẻ hợp lý, thì thực tế là tiền điện tử phù hợp với cả ngân hàng trung ương và các ngân hàng tự do ngụ ý rằng nó sẽ tăng cường hiệu quả và năng suất trong tương lai của các hệ thống tiền tệ và tài chính, cho dù là được tiến hành với hệ thống hiện có hoặc hệ thống đã được sửa đổi.

[Trở lại đầu trang](#)

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 04 - 2020**1. Thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19: Ngành ngân hàng bảo đảm nhu cầu giao dịch tiền mặt và thanh toán của nền kinh tế.*****Thời gian tổ chức: 31/03/2020******Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam******Nội dung hội thảo:***

Chiều ngày 31/03/2020 tại cuộc họp trực tuyến triển khai thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Đào Minh Tú đã chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành triển khai nhiều công việc. Trong đó, Phó Thống đốc yêu cầu các đơn vị trong toàn Ngành tiếp tục bảo đảm phục vụ kịp thời, chính xác và an toàn các nhu cầu thiết yếu của xã hội và nền kinh tế như giao dịch tiền mặt và thanh toán.

Tham dự cuộc họp tại điểm cầu Hà Nội có các đồng chí lãnh đạo đại diện một số Vụ, Cục, đơn vị thuộc NHNN, một số ngân hàng thương mại (NHTM) có trụ sở chính tại Hà Nội. Tại điểm cầu thành phố Hồ Chí Minh có đồng chí Giám đốc NHNN chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và một số NHTM có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tại cuộc họp này, Đ/c Nguyễn Quốc Hùng - Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế đã thông báo những nội dung chính của Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 của Thống đốc NHNN về các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19.

Sau khi nghe đại diện lãnh đạo các NHTM phát biểu báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03 /2020 của Thống đốc NHNN, những thuận lợi và vướng mắc khó khăn, đề xuất và kiến nghị đối với NHNN, Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan trong việc tiếp tục đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng do dịch bệnh covid-19 gây ra, Phó Thống đốc Đào Minh Tú đã kết luận: Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 tác động tiêu cực đến kinh tế trong nước, Ngân hàng đã chủ động xây dựng phương án phòng, chống dịch đảm bảo hoạt động của hệ thống an toàn, thông suốt và hiệu quả; Trong đó NHNN ban hành Thông tư 01 mới chỉ được gần 2 tuần nhưng toàn ngành Ngân hàng đã vào cuộc rất quyết liệt, các NHTM triển khai đồng loạt các gói, các chương trình, các sản phẩm đến người dân, doanh nghiệp, đặc biệt những khách hàng có dư nợ tín dụng bị thiệt hại do dịch bệnh gây ra và đã đạt được những kết quả tích cực được Chính phủ, Bộ Ngành, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao.

Phó Thống đốc cho biết, tiếp tục quán triệt tinh thần “chống dịch như chống giặc” với quyết tâm và sự đồng bộ thống nhất cao hơn nữa từ Trung ương đến địa phương, từ NHNN đến các TCTD để triển khai có hiệu quả các giải pháp cấp bách phòng, chống

dịch và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh đối với nền kinh tế, ngày hôm nay Thống đốc NHNN đã ban hành Chỉ thị 02 về các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19.

Phó Thống đốc cho rằng, ngành Ngân hàng có vai trò trọng yếu của nền kinh tế, những giải pháp của ngành Ngân hàng có tầm quan trọng và ý nghĩa trực tiếp trong thời điểm hiện nay. Với tinh thần trách nhiệm cao với xã hội và cộng đồng, Phó Thống đốc mong muốn toàn ngành vào cuộc quyết liệt, cùng đồng lòng, quyết tâm chia sẻ trong việc triển khai Chỉ thị 02 của Thống đốc NHNN.

Cùng với đó, toàn ngành Ngân hàng thực hiện tốt công điện số 03/CD-NHNN của Thống đốc NHNN về triển khai thực hiện Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, các TCTD được giao quyền chủ động, triển khai bố trí hợp lý cán bộ làm việc hợp lý, tổ chức hoạt động ổn định nhưng phải bảo đảm hạn chế tối đa cán bộ phải đến trụ sở làm việc. Đối với các bộ phận giao dịch trực tiếp, phục vụ nhu cầu thiết yếu như thanh toán, giao dịch tiền mặt của người dân, hoạt động của ATM các NHTM phải bảo đảm hoạt động thông suốt, an toàn và bảo chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi vì đây là phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân. Đồng thời, phải truyền thông tới công chúng về “gửi tiền một nơi, rút tiền nhiều nơi” để người dân biết và đến các chi nhánh, giao dịch khác thực hiện giao dịch trong trường hợp chi nhánh, phòng giao dịch nào đó nằm trong vùng bị phong tỏa do dịch bệnh.

Phó Thống đốc yêu cầu, toàn Ngành căn cứ các nội dung tại chỉ thị 02/CT-NHNN triển khai thực hiện ngay với tinh thần quyết liệt, tích cực, chủ động các giải pháp cấp bách đã đề ra, nhất là trong thời gian dịch bệnh diễn ra cao điểm. Đồng thời tiếp tục triển khai Thông tư 01 quyết liệt, chủ động rộng khắp tại tất cả các chi nhánh của NHTM. Trong đó chú trọng triển khai các biện pháp như cơ cấu lại khoản nợ, hoãn, giãn nợ, giữ nguyên nhóm nợ, giảm lãi suất khoản vay cũ và cả khoản vay mới, khuyến khích giảm mạnh, giảm sâu hơn nữa đối với những đối tượng, loại hình doanh nghiệp khó khăn, cần sự chia sẻ để giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất. Các NHTM phấn đấu giảm lãi suất cho vay đối với các doanh nghiệp, hộ gia đình bị thiệt hại do dịch bệnh gây ra với mức giảm khoảng 2% lãi suất cho vay so với thời điểm trước dịch.

Theo dự báo, nền kinh tế năm nay có nhiều khó khăn và các TCTD cũng gặp khó khăn nên các NHTM cần thực hiện cắt giảm chi phí hoạt động, giảm lãi suất huy động đầu vào sao cho hợp lý, cùng đồng thuận để có điều kiện giảm lãi suất cho vay đối với nền kinh tế. Mặt khác, các NHTM cần xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận, chính sách tiền lương, thu nhập cho phù hợp.

Phó Thống đốc yêu cầu đẩy mạnh tăng cường hơn nữa công tác truyền thông của NHNN. Trong đó, tập trung truyền thông các chương trình, chính sách, chỉ đạo của NHNN, còn TCTD chủ động truyền thông các gói sản phẩm, chương trình của mình trong việc triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng

cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19.

Ngoài ra, các NHTM tiếp tục rà soát tình hình, đánh giá thực trạng, vướng mắc, khó khăn hiện nay, báo cáo kịp thời số liệu đánh giá về tình hình hoạt động, khách hàng, dư nợ bị ảnh hưởng, kết quả triển khai các chương trình hỗ trợ... theo yêu cầu của NHNN tại Chỉ thị 02.

Đánh giá cao tinh thần của các NHTM, Phó Thống đốc yêu cầu các NHTM đã dự kiến đưa ra những gói sản phẩm, chương trình giảm lãi suất, hỗ trợ doanh nghiệp... cần công bố, triển khai thực hiện ngay và toàn ngành Ngân hàng cần có sự đồng thuận cao trong việc triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19 gây ra.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Tăng cường tín dụng ngân hàng hỗ trợ doanh nghiệp và người dân khắc phục khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19

Thời gian tổ chức: 22/04/2020

Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Nội dung hội thảo:

Ngày 22/4/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tổ chức Hội nghị trực tuyến tới tất cả các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trên cả nước về tăng cường tín dụng ngân hàng hỗ trợ doanh nghiệp và người dân khắc phục khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19. Tham dự Hội nghị tại điểm cầu Trung tâm và các điểm cầu NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố có các đồng chí trong Ban Lãnh đạo NHNN, các Vụ, Cục, đơn vị thuộc NHNN, Giám đốc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, đại diện các tổ chức tín dụng trên địa bàn...

Tại Hội nghị, sau khi nghe Vụ Trường Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, đại diện các NHTM, công ty tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội, Hiệp hội ngân hàng phát biểu ý kiến báo cáo tình hình, kết quả đạt được, những vướng mắc phát sinh, đề xuất, kiến nghị để đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp và người dân khắc phục khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19, Thống đốc NHNN đã cho rằng, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, thực hiện chỉ đạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Ngành Ngân hàng là một trong những ngành đi đầu trong việc tham mưu, ban hành, triển khai các chính sách tháo gỡ khó khăn, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế. Toàn ngành Ngân hàng đã vào cuộc sớm, tích cực, ngay từ cuối tháng 2, đã chủ động đánh giá tác động của dịch bệnh tới hoạt động ngân hàng. Ngày 13/3/2020, NHNN đã ban hành thông tư 01, đây là giải pháp đột phá, vì dịch bệnh này chưa có tiền lệ nên với các quy định mới, mạnh tại Thông tư này đã huy động nội lực của ngành Ngân hàng (không sử dụng ngân sách nhà nước) thực hiện cơ cấu lại nợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng và

doanh nghiệp vay vốn. NHNN cũng kịp thời ban hành chỉ thị 02/CT-NHNN về các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trên thực tế. Qua đó cho thấy sự chủ động, tích cực, quyết liệt của toàn hệ thống thời gian qua. Cùng với đó, NHNN đã rất kịp thời chủ động trong việc điều hành các công cụ chính sách tiền tệ, đặc biệt là thanh khoản, liên ngân hàng, giữ ổn định tỉ giá, giảm lãi suất, đặc biệt trong lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ sản xuất kinh doanh, ổn định kinh tế vĩ mô.

Thông đốc Lê Minh Hưng cho rằng, toàn ngành Ngân hàng, từ NHNN đến các TCTD đã và đang rất quyết liệt triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, cho khách hàng vay vốn. Sau 01 tháng triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách, những kết quả đạt được bước đầu của ngành Ngân hàng là rất tích cực, thể hiện tính chủ động, quyết liệt của các đơn vị trong toàn ngành Ngân hàng. Thay mặt Ban lãnh đạo NHNN, Thông đốc Lê Minh Hưng đánh giá rất cao kết quả triển khai bước đầu của các TCTD. Tuy nhiên, thực tế triển khai vẫn còn một số tồn tại, hạn chế và vướng mắc cần tháo gỡ. Để kịp thời có biện pháp xử lý, triển khai hiệu quả hơn trong việc hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn, cho nền kinh tế, Thông đốc NHNN yêu cầu:

Toàn bộ hệ thống các TCTD cần nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm của Ngành với nền kinh tế, triển khai mạnh mẽ các biện pháp cơ cấu lại nợ, cho vay mới, giảm lãi suất cho vay. Phải xác định việc hỗ trợ khách hàng vay vốn cũng là hỗ trợ cho chính các TCTD, giúp hệ thống TCTD hoạt động tốt hơn trong giai đoạn khó khăn. Hỗ trợ cho khách vay vốn có tác dụng đối với cả hệ thống ngân hàng lẫn khách hàng vay vốn, là trách nhiệm của từng TCTD đối với ngành Ngân hàng nói riêng và cả nền kinh tế nói chung.

Ngay sau cuộc họp này, các NHTM có vốn của nhà nước phải tổ chức quán triệt tới tất cả các chi nhánh các quy định về hỗ trợ khách hàng để tiếp tục đẩy nhanh tiến trình làm việc với khách hàng, xử lý tháo gỡ các vấn đề phát sinh trong thực tế.

Các TCTD phải coi việc tập trung chỉ đạo triển khai chỉ thị 01, thông tư 01, chỉ thị 02 của NHNN là công việc trọng tâm trong năm 2020 và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các TCTD chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo NHNN về việc triển khai thực hiện công việc trọng tâm này. Các TCTD thường xuyên báo cáo kết quả thực tế đạt được cho NHNN. Thông đốc Lê Minh Hưng giao Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Vụ Truyền thông tổng hợp số liệu, định kỳ báo cáo và cập nhật thường xuyên kết quả đạt được.

Các TCTD cần chia sẻ tối đa khó khăn với khách hàng vay vốn, với nền kinh tế trong giai đoạn hiện nay cũng như sau khi dịch kết thúc. Trong đó, thực hiện tối đa việc giảm chi phí để hỗ trợ giảm lãi suất cho nền kinh tế, phải xem xét chủ động cân đối nguồn vốn để đầu tư cho những dự án khả thi, phải coi cho vay mới hỗ trợ phục hồi sau dịch là yếu tố then chốt giúp nền kinh tế tăng trưởng trong năm nay. Đây là nhiệm vụ chủ yếu của các TCTD trong thời gian tới.

Thông đốc NHNN yêu cầu các TCTD phải tiếp tục tập trung chỉ đạo đơn giản hóa quy trình thủ tục nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng vay vốn nhưng không nói lỏng điều kiện tín dụng để đảm bảo chất lượng an toàn tín dụng, duy trì tính lành mạnh của hoạt động ngân hàng trong những năm tới. Đồng thời, có cơ chế khuyến khích phù hợp để chi nhánh, phòng giao dịch, cán bộ thực hiện tháo gỡ khó khăn cho khách hàng nhưng cũng phải xử lý với các chi nhánh, các cán bộ thiếu trách nhiệm, gây khó khăn phiền hà, chậm trễ trong việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

Đối với một số TCTD chưa ban hành văn bản hướng dẫn triển khai Thông tư 01 của NHNN phải kịp thời ban hành và triển khai thực hiện. Trong quá trình cơ cấu lại nợ, không chỉ khách hàng doanh nghiệp mà cả khách hàng cá nhân bị khó khăn trong thu nhập cũng cần phải được các NHTM phải xem xét cơ cấu lại nợ, cả nợ gốc và nợ lãi.

Mặt khác, các TCTD cần đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông, kịp thời trả lời các kiến nghị của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, công bố công khai các kết quả xử lý, kết quả cho vay mới, cơ cấu lại nợ..., phối hợp chặt chẽ với Vụ Truyền thông NHNN công bố kịp thời những kiến nghị của các tổ chức cá nhân liên quan. Công bố đầy đủ cả những khách hàng nào được giải quyết, những khách hàng nào không đủ điều kiện vay vốn...

Thông đốc Lê Minh Hưng yêu cầu, Giám đốc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Thông tư 01, chỉ thị 02 là nhiệm vụ quan trọng nhất, xuyên suốt trong năm 2020. NHNN chi nhánh thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin, chủ động báo cáo lãnh đạo tỉnh, làm việc với các sở ban ngành địa phương, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trên địa bàn chủ động xử lý các kiến nghị. Phải chủ động chỉ đạo, phối hợp TCTD trên địa bàn để xử lý các vấn đề phát sinh trên thực tế. Ngoài ra, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời xử lý các TCTD, các cán bộ ngân hàng trên địa bàn thiếu trách nhiệm, không chấp hành chỉ đạo của NHNN, để khách hàng đáng lẽ được hỗ trợ nhưng chậm hoặc không được xử lý.

Đối với các Vụ, Cục, đơn vị thuộc NHNN: Trước diễn biến thị trường quốc tế, khu vực còn phức tạp, tác động của dịch bệnh với nền kinh tế, các Vụ, Cục có liên quan đã chủ động theo dõi, đánh giá, thường xuyên rà soát bổ sung các kịch bản điều hành để kiểm soát, giữ các cân đối vĩ mô theo chỉ đạo của Chính phủ.

Đồng thời, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Vụ pháp chế, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ Thanh toán chủ động rà soát, tham mưu sửa đổi các quy định hiện hành và ban hành ngay các văn bản hướng dẫn cụ thể cho các vấn đề còn vướng mắc, các kiến nghị chủ yếu tập trung vào Thông tư 01, nhất là các vấn đề về thời hạn cơ cấu lại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, dự thu, xác định khách hàng, cho vay tái cấp vốn, thanh toán điện tử..., tiếp tục triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt, miễn giảm phí dịch vụ điện tử.

Ngân hàng Chính sách xã hội khẩn trương phối hợp các bộ ngành triển khai nhiệm vụ được giao, tiếp tục thực hiện cơ cấu lại, cho vay mới các đối tượng chính sách bị tác

động bởi dịch bệnh Covid-19, hoàn thiện thủ tục xin ý kiến các bộ, ngành trình thủ tướng giám lai suất cho các đối tượng này.

Hiệp hội Ngân hàng phát huy vai trò của mình, tạo sự đồng thuận giữa các NHTM thành viên trong việc triển khai hỗ trợ khách hàng bị thiệt hại do dịch bệnh. Đồng thời, nắm bắt và có hình thức thông tin kịp thời, rộng rãi về những hoạt động, ghi nhận những kiến nghị, phản ánh của các NTHM trong giai đoạn hiện nay...

Thống đốc Lê Minh Hưng tin tưởng, với sự tập trung quyết liệt và trách nhiệm của toàn ngành Ngân hàng, đặc biệt là các TCTD, NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố, Hiệp hội Ngân hàng, thời gian tới sẽ đạt được kết quả tốt hơn nữa trong việc hỗ trợ nền kinh tế khắc phục khó khăn dịch bệnh, thúc đẩy nền kinh tế sau dịch.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 04-2020**1. Trường phái kinh tế học Áo - Lược khảo***Nguồn: NXB Trí thức**Tác giả: Eamonn Butler**Dịch giả: Phạm Nguyên Trường**Giới thiệu ấn phẩm:***Tác giả**

Tiến sĩ Eamonn Butler là Giám đốc Viện Adam Smith. Ông có bằng đại học về kinh tế, triết học và tâm lý học ở Đại học St Andrews. Ông làm việc cho Hạ viện Mỹ, và dạy triết học ở Hillsdale College, Michigan, sau đó, cuối những năm 1970 ông trở về Anh để giúp thành lập Viện Adam Smith. Ông đã xuất bản những tác phẩm viết về nhà kinh tế học Milton Friedman, F. A. Hayek và Ludwig von Mises và những cuốn lược khảo về von Mises và Adam Smith cho Viện các Vấn đề Kinh tế (IEA). Ông thường xuyên có mặt trên các phương tiện thông tin đại chúng, cả báo viết lẫn báo hình và gần đây ông đã cho in hai tác phẩm dành cho đại chúng: Cuốn sách hay nhất về thị trường (The Best Book on the Market) và Nhà nước Anh mục ruỗng và Tuyên ngôn thay thế (The Rotten State of Britain and The Alternative Manifesto), được nhiều người quan tâm.

Tác phẩm

Trường phái kinh tế học Áo thoát nghe có vẻ đơn độc và nhỏ bé. Vì nhiều độc giả đương thời hẳn đang nghĩ tới nước Áo như một quốc gia nhỏ bé xinh đẹp giữa lòng châu Âu, và dường như không có tên tuổi của nhà kinh tế lớn nào hay một đại học kinh tế lớn nào gắn liền với nước Áo lúc này. Thế nhưng, chúng ta đừng quên rằng mới chỉ một thế kỉ trước đây thôi, nước Áo - với thủ đô Vienna, đang là trung tâm văn hóa-học thuật và quyền lực vĩ đại bậc nhất thế giới, là trái tim của Đế quốc Áo-Hung từng bá chủ châu Âu một thời gian dài.

Và chính tại nơi đây vào đầu thế kỉ XX, trí thức của loài người đã bùng nổ với những phát kiến quan trọng nhất trong triết học, khoa học, nghệ thuật... có ảnh hưởng đến văn minh loài người trong suốt thế kỉ XX và cho tới tận bây giờ. Trong bối cảnh đó, từ truyền thống trí tuệ rực rỡ này đã sản sinh ra những nhà kinh tế học lỗi lạc và độc đáo bậc nhất thời hiện đại: Carl Menger (1840-1921), Böhm-Bawerk (1851-1914), Joseph Schumpeter (1883-1950), Ludwig von Mises (1881-1971), Fredrick von Hayek (1899-1992)... Những trí thức này đã tiến hành phê phán các trường phái kinh tế học đương thời, theo mọi chủ nghĩa, từ tất cả những khía cạnh khác nhau. Từ cuộc chiến tư tưởng đó đã cô đọng lại một hệ thống phương pháp tư duy, nhìn nhận về các vấn đề xã hội và nền kinh tế một cách tổng quát, sâu sắc và độc đáo. Tất cả những đặc điểm đó đã hình thành nên một trường phái kinh tế học đặc biệt, gọi là Trường phái Áo, theo tên gọi của mảnh đất đã nảy mầm và vươn lên những cây cổ thụ. Ảnh hưởng của trường phái này lên lí thuyết kinh tế học và chính sách kinh tế-xã hội là sâu đậm. Với sức sống mạnh

mề của nó, Trường phái Áo đã lan tỏa và sinh sôi ra khắp thế giới.

Mục lục

Lời nhà xuất bản

Lời giới thiệu

Chương 1: Lịch sử và phương pháp tiếp cận của Trường phái kinh tế học Áo

Chương 2: Những nguyên lý nền tảng của Trường phái kinh tế học Áo

Chương 3: Tại sao các nhà kinh tế học không biết họ đang làm gì

Chương 4: Vai trò quan trọng của giá trị

Chương 5: Giá cả, Chi phí và lợi nhuận

Chương 6: Phối hợp thông qua thị trường

Chương 7: Cạnh tranh và tinh thần nghiệp chủ

Chương 8: Thời gian, quá trình sản xuất, vốn và lợi tức

Chương 9: Chu kì kinh doanh

Chương 10: Rắc rối với tiền

Chương 11: Hạn chế của chủ nghĩa toàn trị trong kinh tế

Chương 12: Chủ nghĩa tự do

Chương 13: Phê phán phương pháp tiếp cận của Trường phái Áo

Chương 14: Tư tưởng của Trường phái Áo đương đại

Chương 15: Tính thời sự của Trường phái Áo trong giai đoạn hiện nay

Vài dòng tiểu sử

Điểm nhấn

Bằng tài năng và tri thức uyên bác của mình, tác giả Eamonn Butler đã tóm lược một cách cô đọng và sắc bén những nội dung quan trọng nhất của hệ thống tư duy của Trường phái kinh tế học Áo trong một cuốn sách nhỏ nhắn đến ngạc nhiên. Đây chính là sự ưu việt của tác phẩm này. Người đọc có thể lướt nhanh qua hết cuốn sách chỉ trong vài giờ đồng hồ, là đã “thấy” những điểm cốt tủy của Trường phái này. Nhưng bạn sẽ phải quay lại nhiều lần, nghiền ngẫm từng đoạn ngắn để có thể hiểu sâu sắc hơn cách nhìn về thực tại, và sẽ thấy chiều sâu không dễ lĩnh hội của những tư tưởng này. Nhưng nếu chấp nhận mất công cho cuộc vật lộn dài hơn của tư duy, bạn sẽ nhận ra có những cách nhìn mới trong những chiều kích sâu hơn xuyên qua thực tại đang hiển bày của thế giới.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Tự do kinh tế - Đòn bẩy phát triển Việt Nam

Nguồn: NXB Trí thức

Tác giả: Trần Lê Anh

Giới thiệu ấn phẩm:

Tác giả

Trần Lê Anh sinh năm 1976 tại Đà Nẵng, sang Mỹ định cư cùng gia đình vào năm 1994, hiện đang sống tại thành phố Boston, thuộc bang Massachusetts.

Lấy bằng cử nhân kinh tế (tốt nghiệp loại tối ưu - summa cum laude) và thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA) tại Đại học Massachusetts Boston (Umass Boston).

Lấy bằng tiến sĩ (Ph.D.) thuộc ngành Luật, Chính sách, và Xã hội (chuyên về luật và kinh tế, chính sách thương mại quốc tế) tại Đại học Northeastern (Northeastern University) năm 2004. Bắt đầu giảng dạy đại học từ đó đến nay.

Hiện giảng dạy các môn kinh tế và quản trị tại Đại học Lasell, và cũng là Giám đốc điều hành chương trình Vietnam Shoulder to Shoulder của trường này, đưa sinh viên đi thực tế tại Việt Nam hằng năm (đặc biệt là tại Làng Trẻ em SOS Đà Nẵng). Từng giảng dạy tại Đại học Fisher và Đại học Massachusetts, Boston.

Tác phẩm

Cuốn sách này là tập hợp những bài viết và trả lời phỏng vấn của Giáo sư Trần Lê Anh đăng rải rác trên các phương tiện truyền thông trong và ngoài nước về các vấn đề kinh tế, phát triển, và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong khoảng thời gian mười năm qua.

Mười năm qua, cũng là thời gian mà nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều thách thức sau một giai đoạn bứt phá khi nước ta ký Hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ và gia nhập WTO. Bên cạnh những thành tựu nhất định (chẳng hạn như việc giảm mạnh tỉ lệ đói nghèo, phát triển kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng giao thương với các nước và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao), quá trình phát triển của Việt Nam cũng đã bộc lộ nhiều bất cập.

Những nhược điểm trong quá trình phát triển của Việt Nam đòi hỏi Nhà nước phải có những chính sách cấp bách và thiết thực để đưa Việt Nam đi đúng trên con đường phát triển bền vững. Những chính sách này phải được thực hiện một cách minh bạch, vì lợi ích chung của toàn dân, và thúc đẩy tự do kinh tế để khai phóng sức dân.

Mục lục

Lời nhà xuất bản

Lời giới thiệu

Lời tác giả

Phần I

Nền tảng cho phát triển

Đòn bẩy tự do kinh tế

Đi tìm mục tiêu kinh tế cho Việt Nam

Đi tìm một vài giá trị nền tảng cho chính sách

Luật và phát triển

Ba trở lực kiềm chế Việt Nam phát triển

Việt Nam cần mô hình mới

Bất bình đẳng và bất ổn

Một “nền kinh tế nhân ái” cho Việt Nam

Phần II

Từ vĩ mô đến vi mô: Một vài khó khăn điển hình

Việt Nam không dễ kiềm chế lạm phát

Từ các điểm yếu cố hữu của nhập siêu đến khó khăn tỉ giá

Kinh tế Việt Nam sau các đánh giá của quốc tế mới đây

Việt Nam nên làm gì sau khi bị Fitch đánh tụt hạng?

Chiến lược cho hàng Việt Nam

Giải pháp cho giá sữa

Tham khảo nước láng giềng: những "góc khuất" của kinh tế Trung Quốc

Đổi đầu kinh tế Mỹ-Trung: Triệt hạ đối thủ hay công bằng thương mại?

Phần III

Hội nhập kinh tế toàn cầu

Cơ hội giao thương Việt-Mỹ thời Tổng thống Trump

Thép nhôm và chính trị thương mại Mỹ

Tận dụng chất xúc tác từ hội nhập để phát triển

Việt Nam trong bối cảnh kinh tế Đông Á

Việt Nam cảm nhận mặt trái của thương mại tự do

Bối cảnh thương mại quốc tế và định hướng cho Việt Nam

Đường hướng chính sách thương mại Mỹ

Khoảng cách giữa tinh thần của luật chống bán phá giá của Mỹ và sự thực thi

Nên sử dụng công cụ chống bán phá giá

Đẩy mạnh giao thương Việt-Mỹ để phát triển

Hiệp định TPP: Một cơ hội cho Việt Nam

Phần IV

Vài nét chấm phá trong quan hệ quốc tế

Quan hệ Việt-Mỹ thời Chính quyền Trump

Tư thế của Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ và Trung Quốc

Quan hệ Việt-Mỹ âm thầm

Cách tiếp cận của Việt Nam trong vấn đề Biển Đông

Biển Đông: Vấn đề địa chính trị giữa Việt Nam và Trung Quốc

Đóng góp của Nhật trong quá trình phát triển của Việt Nam

Việt Nam muốn cân bằng quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ, Trung Quốc

Quan hệ Việt-Mỹ 15 năm qua

Việt Nam có bạn cạnh tranh mới

Điểm nhấn

Trong thế giới ngày nay, không ai phủ nhận tầm quan trọng về vai trò của nhà nước. Can thiệp hay không can thiệp đều phải là một lựa chọn có chủ đích. Một nhà nước vì

dân thì phải biết giới hạn quyền lực và tạo điều kiện để người dân có thể tự do phát huy hết khả năng của mình.

(Đòn bẩy tự do kinh tế)

Hơn bao giờ hết, Việt Nam đang ở thời điểm cần cân nhắc lại chiến lược phát triển đất nước. Phát triển kinh tế cần phải làm mục tiêu nền tảng cho chính sách thay vì những chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

(Đi tìm mục tiêu kinh tế cho Việt Nam)

Và tất nhiên khi lợi ích kinh tế Mỹ ở Việt Nam càng cao thì mối quan tâm của Mỹ đối với Việt Nam càng lớn. Trước những thử thách trong khu vực, đặc biệt là vùng Biển Đông, Việt Nam cần một đối tác đáng tin cậy có mong muốn Việt Nam được thịnh vượng và vẹn toàn trong công cuộc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của mình.

(Cơ hội giao thương Việt-Mỹ thời Tổng thống Trump).

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)